

TỔNG HỢP Ý KIẾN

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU
(“Dự Thảo Nghị Định 1”)

[Đính kèm Công văn VBF18325]

Chuẩn bị bởi: NCT Kinh tế số VBF
Ngày 14/3/2025

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
1	Điều 2 <i>Đối tượng áp dụng</i> [...] 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dữ liệu số tại Việt Nam.	Đối tượng áp dụng của Dự Thảo Nghị Định 1 bao gồm cả “<i>cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu số tại Việt Nam.</i>” Chúng tôi hiểu rằng nội dung này được trích nguyên từ Điều 2.3 Luật Dữ Liệu¹ và rằng quy định này nhằm mục đích hướng đến các cá nhân và tổ chức nằm ngoài Việt Nam. Chúng tôi đồng thuận với quy định này vì đây là một thông lệ phổ biến trên phạm vi quốc tế. Tuy nhiên, do thiếu hướng dẫn về cách xác định khi nào một cá nhân hoặc tổ chức được coi là “<i>trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu số tại Việt Nam,</i>” quy định này khiến việc áp dụng các quy định bảo vệ dữ liệu số ngoài lãnh thổ Việt Nam trở nên không rõ ràng và khó áp dụng trên thực tế. Từ đó, có thể dẫn đến rủi ro là phạm vi áp dụng này sẽ tạo cơ sở để cơ quan thực thi diễn giải theo hướng mở rộng đối tượng ra bên ngoài lãnh thổ rộng một cách bất hợp lý, điều này nên tránh từ góc độ phát triển kinh tế và xúc tiến đầu tư. Ví dụ, với sự không rõ ràng hiện tại của điều khoản này, ngay cả một công ty Nhật Bản không thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào tại Việt Nam cũng sẽ bị yêu cầu tiến hành tuân thủ quy định của Luật Dữ Liệu của Việt Nam, bao gồm cả phân loại dữ liệu do họ xử lý, sau khi nhận được	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 2.3 này để quy định cụ thể những chủ thể nước ngoài nào thuộc phạm vi áp dụng của Điều này, từ đó có thể giúp việc áp dụng điều khoản này trở nên dễ dàng hơn trên thực tế, cùng với đó là nâng cao khả năng tuân thủ và tính thực thi của quy định này. Ví dụ, Điều này có thể chỉ bao gồm những chủ thể cung cấp (hoặc tìm kiếm cơ hội cung cấp) dịch vụ hoặc sản phẩm cho chủ thể dữ liệu tại Việt Nam hoặc những chủ thể thu thập và xử lý dữ liệu của một số lượng nhất định các chủ thể dữ liệu ở Việt Nam.

¹ Luật số 60/2024/QH15 của Quốc hội ngày 30 tháng 11 năm 2024 về dữ liệu (“**Luật Dữ Liệu**”).

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		một vài dữ liệu của công ty tại Việt Nam gửi để nhằm quảng bá hoạt động và tìm kiếm cơ hội hợp tác trong tương lai. Cách giải thích này là không hợp lý, và khiến các doanh nghiệp nước ngoài ngần ngại trong việc đầu tư tại Việt Nam cũng như giao thương với các công ty Việt Nam. Bên cạnh đó, thực tiễn cho thấy việc buộc các cơ quan nước ngoài như công ty Nhật Bản nói trên phải tuân theo các quy định của Việt Nam (ví dụ như phân loại toàn bộ dữ liệu trong kho dữ liệu của họ bao gồm cả dữ liệu không liên quan đến Việt Nam) dường như là không khả thi và bất hợp lý.	
2	Điều 3. Tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng <i>4. Ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân</i>	Tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng rất rộng và có thể bao gồm tất cả các loại dữ liệu. Điều này dẫn đến việc hầu hết các tổ chức phải tuân thủ các yêu cầu xử lý dữ liệu quan trọng, chẳng hạn như nộp đánh giá tác động lên Bộ Công an (BCA), từ đó tạo ra một khối lượng lớn hồ sơ giấy tờ cho BCA. Việc này không thật sự khả thi trong hoàn cảnh thực tiễn. Ngoài ra, trong bối cảnh Chính phủ đang thực hiện tinh giản bộ máy quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động, khối lượng hồ sơ giấy tờ gia tăng có thể thêm áp lực lên bộ máy hành chính đã thu gọn, từ đó dẫn đến chậm trễ và tắc nghẽn trong vận hành.	Chúng tôi khuyến nghị giới hạn tiêu chí trong phạm vi mà Luật Dữ liệu dự kiến điều chỉnh (tức là sức khỏe và an toàn cộng đồng). Chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 3(4) như sau” “Ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe cộng đồng, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”
3		Theo Dự thảo Nghị định Dữ liệu, định nghĩa về “dữ liệu quan trọng” bao hàm rất rộng, bên cạnh các loại dữ liệu khác: dữ liệu ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Dẫu vậy, phạm vi và tiêu chí xác định các dữ liệu nào được coi là ảnh hưởng đến “tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân” vẫn còn chưa rõ ràng. Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ có cơ sở hợp lý để bảo vệ một số dữ liệu có bản chất nhạy cảm. Tuy nhiên, phạm vi bao phủ rộng của “dữ liệu quan trọng” có thể gây ảnh hưởng đến tất cả các chủ thể trong khu vực tư nhân hoạt động tại Việt Nam.	Chúng tôi đề xuất giới hạn lại định nghĩa về dữ liệu quan trọng nhằm tạo ra sự hài hòa trong khung pháp lý về phân loại hệ thống thông tin theo Luật An ninh mạng (“LANM”) và Nghị định 85/2016/NĐ-CP. Cách tiếp cận này không chỉ đảm bảo tuân thủ với các quy định pháp luật, duy trì bảo vệ dữ liệu mà còn giảm thiểu gánh nặng lên các doanh nghiệp, khi họ sẽ phải tiêu tốn rất nhiều chi phí vận hành cho việc tuân thủ.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
4		Phạm vi tác động của dữ liệu quan trọng quy định tại Dự Thảo Nghị Định 1 là quá rộng. Luật Dữ Liệu định nghĩa “dữ liệu quan trọng” là dữ liệu có thể tác động đến <u>quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng</u>. Tuy nhiên, theo Điều 3.4 của Dự Thảo Nghị Định 1, có thể hiểu rằng dữ liệu có ảnh hưởng đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, và tài sản của <u>một hoặc vài cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng có thể được phân loại là dữ liệu quan trọng</u>. Do vậy, quy định tại Dự Thảo Nghị Định 1 về phạm vi tác động của dữ liệu quan trọng là không phù hợp với quy định tương ứng tại Luật Dữ Liệu.	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bỏ Điều 3.4 ra khỏi Dự Thảo Nghị Định 1 hoặc sửa đổi “cơ quan, tổ chức, cá nhân” thành “cộng đồng” cho phù hợp với Luật Dữ Liệu và bổ sung diễn giải về khái niệm “cộng đồng.”
5		Khoản 6 Điều 3 Luật Dữ Liệu quy định: “<i>Dữ liệu quan trọng là dữ liệu có thể tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành</i>”. Như vậy, quy định này đã đưa ra quy định bao quát chung về tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng phải có tác động, ảnh hưởng đến nền kinh tế - xã hội của đất nước, sức khỏe và an toàn cộng đồng và không bao gồm dữ liệu phát sinh riêng từ hoạt động kinh doanh, đời sống của từng tổ chức, cá nhân đặc biệt là các dữ liệu riêng của chủ sở hữu là chính doanh nghiệp. Các quy định pháp luật điều chỉnh, bảo vệ lợi ích của các chủ thể dữ liệu là doanh nghiệp hoặc cá nhân hiện đã được quy định trong nhiều quy định pháp luật hiện hành như Hiến pháp, Bộ Luật Dân Sự, Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu Tư, các luật chuyên ngành khác như Luật Tổ Chức Tín Dụng, Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm và quy định về bảo vệ thông tin cá nhân, v.v... Tuy nhiên, khoản 4 Điều 3 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu (Dự thảo Nghị định) lại quy định dữ liệu quan trọng bao gồm cả những dữ liệu “ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”. Quy định mở rộng thêm này	Để hạn chế nhầm lẫn khi áp dụng pháp luật, quy định này nên quy định cụ thể áp dụng đối với dữ liệu mà chủ quản dữ liệu hoặc chủ sở hữu dữ liệu là cơ quan nhà nước. Vì căn cứ theo các quy định pháp luật có liên quan, chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền với vai trò quản lý nhà nước cho cả quốc gia, mới có thẩm quyền thu thập, tạo ra, và quản lý các dữ liệu có tầm ảnh hưởng đúng như các tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng tại Khoản 6, Điều 3, Luật Dữ Liệu Điều 3, dự thảo Nghị định nên được điều chỉnh lại như sau: “Điều 3. Tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng Cơ quan nhà nước Việc xác định dữ liệu quan trọng phải dựa trên mức độ tác động của dữ liệu đến lĩnh vực, nhóm, khu vực cụ thể, có thể tác động quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng (không bao gồm bí mật nhà nước), bao gồm: 1. Ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		vượt ngoài quy định tại Khoản 6, Điều 3 Luật Dữ Liệu và có khả năng: ➢ gây nhầm lẫn là bao gồm cả các dữ liệu khác là <u>dữ liệu riêng</u> của chủ sở hữu dữ liệu hoặc chủ quản dữ liệu là các tổ chức là doanh nghiệp, cá nhân tạo ra trong quá trình hoạt động kinh doanh (ví dụ: <i>chiến lược, kế hoạch hoạt động kinh doanh, phê duyệt nội bộ</i>), đời sống và <u>không</u> liên quan gì đến tác động quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng như tại Khoản 6 Điều 3 Luật Dữ Liệu (theo chúng tôi hiểu, tiêu chí về sức khỏe và an toàn cộng đồng tại Khoản 6 Điều 3 Luật Dữ Liệu có thể bao gồm các dữ liệu về dịch bệnh, thiên tai ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng chung của số đông người dân, cộng đồng) (“<u>Dữ liệu riêng</u>”) ➢ gây nhầm lẫn là các <u>Dữ liệu riêng</u> như nêu trên cũng sẽ chịu sự điều chỉnh của Nghị định này.	quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh trong các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, kinh tế, quốc phòng, đối ngoại, thông tin, xã hội, tài nguyên, môi trường, khoa học và công nghệ; bảo vệ các lợi ích khác của quốc gia; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. 2. Ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển quan hệ với nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế, lợi ích quốc gia và an ninh hợp tác quốc tế và các lĩnh vực khác, dự án lớn ở nước ngoài và các tổ chức nhân sự, sự an toàn của các nguồn năng lượng ở nước ngoài và sự an toàn của các tuyến hàng hải chiến lược. 3. Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, kinh tế vĩ mô, huyết mạch kinh tế quốc gia, cơ sở hạ tầng của ngành kinh tế quan trọng. 4. Ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn cộng đồng.” 4. Ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.”
6	Điều 4. Tiêu chí xác định dữ liệu cốt lõi <i>Việc xác định dữ liệu cốt lõi phải dựa trên mức độ tác động của dữ liệu đến các lĩnh vực, các nhóm, các khu vực cụ thể, tác động trực tiếp quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng (không bao gồm bí mật nhà nước), bao gồm....:</i>	Điều chỉnh nhỏ để thống nhất với đề xuất tại Khoản 4 Điều 3 nêu trên.	Điều 4, dự thảo Nghị định nên được điều chỉnh lại như sau: “Điều 4. Tiêu chí xác định dữ liệu cốt lõi Cơ quan nhà nước Việc xác định dữ liệu cốt lõi phải dựa trên mức độ tác động của dữ liệu đến các lĩnh vực, các nhóm, các khu vực cụ thể, tác động trực tiếp quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng (không bao gồm bí mật nhà nước), bao gồm....”

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
7	Điều 5.1(a)	Điều 5.2 của Dự Thảo Nghị Định 1 chỉ cho phép tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan nhà nước được sử dụng dịch vụ quy định tại Điều 5.1(b) và (c) để lưu trữ dữ liệu trên cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Tuy nhiên, tại Điều 5.1(a) lại liệt kê mọi cơ quan, tổ chức là đối tượng sử dụng các dịch vụ nêu tại khoản này. Điều này dẫn đến sự mâu thuẫn với Điều 5.2.	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại đối tượng được phép sử dụng các dịch vụ tại Điều 5.1(a) theo hướng chỉ bao gồm “cơ quan nhà nước” và bổ sung định nghĩa về “cơ quan nhà nước” để dễ thực thi trên thực tế.
8	Điều 6.1	Điều 3.13 Luật Dữ liệu định nghĩa CQDL là <i>cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu</i>. Định nghĩa này có thể được hiểu theo nghĩa rất rộng, bao trùm nhiều đối tượng – bất kỳ tổ chức nào cung cấp dịch vụ liên quan đến việc “xây dựng, quản lý, vận hành” hoặc khai thác dữ liệu đều có thể bị coi là CQDL. Cách tiếp cận quá rộng này có thể bao gồm bất kỳ nhà cung cấp nào tham gia xử lý dữ liệu theo hướng dẫn của Chủ sở hữu dữ liệu. Tuy nhiên, nhiều nhà cung cấp dịch vụ không có <u>quyền</u> kiểm soát rộng rãi đối với dữ liệu mà họ xử lý, vì điều này có thể không phù hợp với mô hình hoạt động của họ, đặc biệt là trong các trường hợp cung cấp dịch vụ theo mô hình one-to-many service (một nguồn dữ liệu cung cấp dịch vụ cho nhiều người dùng khác nhau). Mô hình này cũng phù hợp với các thực tiễn bảo mật tốt nhất, chỉ cho phép truy cập dữ liệu khi thực sự cần thiết. Cần lưu ý rằng một chủ sở hữu dữ liệu có thể có nhiều nhà cung cấp khác nhau, cung cấp các dịch vụ xử lý dữ liệu khác nhau cho cùng một tập dữ liệu. Mỗi nhà cung cấp này có quyền truy cập và quyền đối với dữ liệu rất khác nhau, nhưng do định nghĩa hiện tại quá rộng khiến nhiều nhà cung cấp dịch vụ có thể bị xem là 'Chủ quản dữ liệu'. Ví dụ: Một dịch vụ có sẵn cho phép chủ sở hữu dữ liệu sắp xếp dữ liệu của họ bằng cách đưa cho chủ sở hữu dữ liệu các công cụ để gắn thẻ dữ liệu hoặc phân loại dữ liệu của họ, nhà cung cấp dịch vụ không thể và không nên có khả năng thấy được dữ liệu thô vì điều đó không liên quan	Cần có một điều khoản loại trừ rõ ràng và chung cho (1) Các nhà cung cấp dịch vụ hạ tầng không có khả năng nhìn thấy dữ liệu thô; và (2) Các trung tâm dữ liệu và nhà cung cấp dịch vụ đám mây khỏi định nghĩa CQDL.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		đến dịch vụ. Với định nghĩa quá rộng như hiện tại, các nhà cung cấp dịch vụ này sẽ bị coi là CQDL, nhưng họ sẽ không thể “quyết định các loại truy cập” (Điều 6.1) Đối với các nhà cung cấp dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu nói riêng, các điều khoản được đề xuất trong Dự thảo Nghị định cũng sẽ xung đột với pháp luật hiện hành theo Luật Viễn thông (Điều 29.1.c.) quy định rằng các nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu không chịu trách nhiệm về nội dung của người dùng dịch vụ khi 'xử lý, lưu trữ và truy xuất thông tin'.	
9	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước [...] 2. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong trường hợp đặc biệt khi được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau: a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp đặc biệt không thể ra yêu cầu bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định được quyết định yêu cầu dữ liệu bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận;	(i) Trường hợp bắt buộc cung cấp dữ liệu không phù hợp với Luật Dữ Liệu Luật Dữ Liệu quy định tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho cơ quan Nhà nước khi có yêu cầu, kể cả khi không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu, trong các trường hợp sau: (i) ứng phó với tình trạng khẩn cấp, (ii) khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp, (iii) thảm họa, và (iv) phòng, chống bạo loạn, khủng bố (gọi chung là “Trường Hợp Bắt Buộc”).² Luật Dữ Liệu giao Chính phủ ban hành quy định chi tiết hướng dẫn nội dung này.³ Tuy vậy, Dự Thảo Nghị Định 1 chưa làm rõ các Trường Hợp Bắt Buộc và lại giới thiệu một trường hợp mới nhưng không rõ ràng, cụ thể “trường hợp đặc biệt” mà không có thêm bất kỳ quy định chi tiết nào, theo đó các tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, hoặc	(i) Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 8 của Dự Thảo Nghị Định 1 để các tổ chức, cá nhân chỉ có nghĩa vụ cung cấp dữ liệu được yêu cầu cho cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi bốn Trường Hợp Bắt Buộc quy định tại Điều 18.2 của Luật Dữ Liệu, đồng thời bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể bốn trường hợp này.

² Luật Dữ Liệu, Điều 18.2.

³ Luật Dữ Liệu, Điều 18.4.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>b) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được giao cho cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu.</i> <i>3. Khi yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu trong trường hợp đặc biệt, cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm:</i> <i>a) Chỉ rõ dữ liệu được yêu cầu;</i> <i>b) Giải thích mục đích sử dụng dữ liệu và thời hạn sử dụng;</i> <i>c) Nêu cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu dữ liệu;</i> <i>d) Chỉ định thời hạn cần cung cấp dữ liệu. Trước thời hạn đó chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu;</i> <i>đ) Thông báo cho chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu về các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu.</i>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố).⁴ Hiện không rõ trường hợp đặc biệt này gồm những trường hợp nào và ai có thẩm quyền xác định trường hợp này, do vậy, có thể dẫn đến các tình huống lạm quyền, theo đó các cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu các tổ chức và cá nhân cung cấp dữ liệu bắt buộc một cách không kiểm soát, tùy theo ý chí của cơ quan đó. (ii) Quy định không rõ ràng về thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu bắt buộc Theo quy định tại Điều 8.2 và 8.5 của Dự Thảo Nghị Định 1, chúng tôi hiểu rằng chỉ có cơ quan có thẩm quyền gồm Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố mới có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu bắt buộc. Tuy nhiên, cách diễn đạt tại Điều 8.3 của Dự Thảo Nghị Định 1 (cụ thể việc quy định rằng cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội có trách nhiệm làm rõ một số nội dung của yêu cầu cung cấp dữ liệu bắt buộc khi yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu và trước thời hạn nêu tại yêu cầu cung cấp dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội, chủ sở hữu dữ liệu và chủ quản dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu) dường như hàm ý rằng các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội cũng được trao quyền đó.⁵	(ii) Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 8 của Dự Thảo Nghị Định 1 để làm rõ cơ quan nào có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu (cụ thể, liệu cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội có được quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu bắt buộc hay không).

⁴ Dự Thảo Nghị Định 1, các Điều 8.2 và 8.5.

⁵ Dự Thảo Nghị Định 1, Điều 8.3.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	4. Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải bảo đảm: a) Được thể hiện bằng ngôn ngữ rõ ràng, ngắn gọn và dễ hiểu đối với chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu; b) Xác định rõ về loại dữ liệu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu, phương thức cung cấp dữ liệu được yêu cầu; c) Tôn trọng các mục đích hợp pháp của chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân. 5. Thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. 6. Bàn giao, tiếp nhận dữ liệu được yêu cầu	(iii) Quy định không rõ ràng về trường hợp không thể ra yêu cầu cung cấp dữ liệu bắt buộc bằng văn bản Theo quy định tại Điều 8.2(a) của Dự Thảo Nghị Định 1, yêu cầu cung cấp dữ liệu bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền phải được thể hiện bằng văn bản, trừ “trường hợp đặc biệt không thể ra yêu cầu bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định được quyết định yêu cầu dữ liệu bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận.” Không rõ những trường hợp cụ thể nào được coi là trường hợp đặc biệt “không thể ra yêu cầu bằng văn bản” và “cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu bằng lời nói.” Việc quy định chưa rõ ràng có thể dẫn đến trường hợp cơ quan có thẩm quyền sẽ giải thích “trường hợp đặc biệt không thể ra yêu cầu bằng văn bản” theo hướng tùy nghi và có thể bao gồm bất cứ trường hợp nào mà cơ quan có thẩm quyền muốn thu thập dữ liệu từ các cá nhân và tổ chức. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy Dự Thảo Nghị Định 1 không có quy định chi tiết về nội dung bắt buộc của giấy xác nhận, cũng như thời điểm phải có giấy xác nhận. Do đó, không rõ giấy xác nhận phải có những nội dung gì và khi nào thì cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ lập và đưa giấy xác nhận cho các cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu.	(iii) Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định chi tiết về các “trường hợp đặc biệt không thể ra yêu cầu cung cấp dữ liệu bắt buộc bằng văn bản,” cũng như quy định chi tiết về nội dung giấy xác nhận và thời điểm cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lập và đưa giấy xác nhận khi yêu cầu bắt buộc cung cấp dữ liệu bằng lời nói.
	a) Việc bàn giao, tiếp nhận dữ liệu được thực hiện theo đúng đối tượng, thời gian, loại dữ liệu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu, phương thức cung cấp dữ liệu được yêu cầu cung cấp; b) Thành phần tham gia bàn giao, tiếp nhận dữ liệu gồm có Chủ sở hữu	(iv) Nội dung của văn bản yêu cầu bắt buộc cung cấp dữ liệu là chưa đầy đủ Theo quy định tại Điều 8.4(b) của Dự Thảo Nghị Định 1, nội dung văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu sẽ bao gồm loại dữ liệu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu, phương thức cung cấp dữ liệu được yêu cầu. Trong khi đó, Điều 8.3 của Dự Thảo Nghị Định 1 có đề cập đến một số nội	(iv) Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh quy định tại Điều 8.3 và/hoặc Điều 8.4(b) của Dự Thảo Nghị Định 1 để đảm bảo các nội dung như đã trình bày tại cột bên trái là nội dung bắt buộc trong văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một số nội dung bắt buộc của văn bản yêu cầu cung cấp

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu; Cá nhân, đại diện tổ chức được giao quản lý, sử dụng dữ liệu; c) Việc bàn giao, tiếp nhận dữ liệu phải được lập thành biên bản; d) Bên yêu cầu cung cấp dữ liệu có quyền yêu cầu bên cung cấp dữ liệu bổ sung dữ liệu trong trường hợp dữ liệu bàn giao không đúng với phạm vi dữ liệu được yêu cầu cung cấp. 7. Hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu bị hủy bỏ trong các trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu trái với quy định của Luật Dữ liệu và các luật khác có liên quan; yêu cầu cung cấp dữ liệu chưa được thực hiện nhưng điều kiện cung cấp dữ liệu quy định tại khoản 1, điều 18 Luật Dữ liệu không còn; yêu cầu cung cấp dữ liệu chưa được thực hiện nhưng vì lý do khách quan mà dữ liệu không còn tồn tại; b) Việc hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản. 8. Trước thời hạn chỉ định cần cung cấp dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan có thẩm	dung khác như mục đích sử dụng dữ liệu và thời hạn sử dụng, cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu dữ liệu, thời hạn cần cung cấp dữ liệu, các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu. Tuy nhiên, quy định tại Điều 8.3 hiện tại chỉ được hiểu là trách nhiệm của cơ quan yêu cầu, chứ không phải là nội dung cụ thể được ghi nhận trên văn bản yêu cầu, mặc dù đây là những nội dung rất quan trọng để làm căn cứ cho việc tuân thủ thực hiện, cũng như khiếu nại của bên cung cấp dữ liệu (nếu có). Chúng tôi cho rằng các nội dung quy định tại Điều 8.3 cần được quy định rõ là nội dung bắt buộc trong văn bản yêu cầu bắt buộc cung cấp dữ liệu. Bên cạnh đó, để đảm bảo quyền lợi của bên cung cấp dữ liệu cũng như đảm bảo sự minh bạch trong quá trình thu thập và sử dụng dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền, chúng tôi cũng cho rằng có một số nội dung quan trọng khác cần được bổ sung vào nội dung bắt buộc của văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu, bao gồm thông tin về các cơ quan, chủ thể có liên quan đến việc sử dụng, khai thác dữ liệu được cung cấp, và các hậu quả, thiệt hại có thể xảy ra đối với dữ liệu và/hoặc bên cung cấp dữ liệu.	dữ liệu, bao gồm thông tin về các cơ quan, chủ thể có liên quan đến việc sử dụng, khai thác dữ liệu được cung cấp, và các hậu quả, thiệt hại có thể xảy ra đối với dữ liệu và/hoặc bên cung cấp dữ liệu.
		(v) Quy định không rõ ràng về cơ chế yêu cầu sửa đổi và rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu Theo quy định tại các Điều 8.3(d) và 8.8 của Dự Thảo Nghị Định 1, trước thời hạn chỉ định cần cung cấp dữ liệu, chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu. Tuy nhiên, Dự Thảo Nghị Định 1 lại không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cho việc yêu cầu sửa đổi và rút yêu	(v) Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định chi tiết về trình tự, thủ tục cho việc yêu cầu sửa đổi và rút yêu cầu cung cấp dữ liệu, và bổ sung quy định về nghĩa vụ của cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét, giải quyết và tuân thủ yêu cầu sửa đổi và rút yêu cầu cung cấp dữ liệu.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>quyền sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu.</i>	cầu. Do đó, nếu không có quy định chi tiết, các chủ thể có quyền yêu cầu nêu trên sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hoặc rút yêu cầu cung cấp dữ liệu. Mặt khác, không rõ cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ phải xem xét, giải quyết và tuân thủ yêu cầu của các chủ thể có quyền yêu cầu nêu trên hay không, bởi nếu không thì cơ chế này gần như sẽ chỉ dừng lại ở mặt quy định mà không có giá trị thi hành trên thực tế.	
		(vi) Quy định chưa hoàn thiện về việc hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu Điều 8.7 của Dự Thảo Nghị Định 1 quy định về các trường hợp hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu, tuy nhiên lại không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu. Việc thiếu quy định cụ thể nêu trên có thể dẫn đến khó khăn trong việc thi hành quy định này trong thực tế. Cũng không rõ là các tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu có thể yêu cầu hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu hay không, hay việc hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu chỉ do cơ quan có thẩm quyền đánh giá, cân nhắc và quyết định. Chúng tôi cho rằng nên trao cho tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu, đồng thời nên quy định nghĩa vụ của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết yêu cầu đó của cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu, và cơ chế này sẽ góp phần kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu cũng như các cá nhân, tổ chức có liên quan khi yêu cầu cung cấp dữ liệu trái quy định pháp luật.	(vi) Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu; bổ sung quy định về quyền của tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu trong việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu, đồng thời nên quy định nghĩa vụ của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết yêu cầu đó của cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu. Bên cạnh đó, cơ quan soạn thảo cũng cần khắc phục lỗi kỹ thuật soạn thảo trong việc dẫn chiếu quy định tại Điều 8.7(a) của Dự Thảo Nghị Định 1 như đã phân tích.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy Điều 8.7(a) có vẻ đang dẫn chiếu nhầm đến Điều 18.1 của Luật Dữ Liệu, trong khi phải dẫn chiếu đến Điều 18.2 của Luật Dữ Liệu.	
10	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước ... 2. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong trường hợp đặc biệt khi được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau: a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp đặc biệt không thể ra yêu cầu bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định được quyết định yêu cầu dữ liệu bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận; b) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được giao cho cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu. ... 5. Thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu	Điều 8 yêu cầu các tổ chức và cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước trong những trường hợp đặc biệt. Thế nhưng, Dự thảo Nghị định Dữ liệu vẫn chưa cung cấp định nghĩa “các trường hợp đặc biệt” được dùng làm cơ sở cho các yêu cầu cung cấp dữ liệu. Nếu không có hướng dẫn về vấn đề này, khái niệm “trường hợp đặc biệt” là quá rộng. Chúng tôi hiểu rằng việc chia sẻ dữ liệu như vậy có thể hữu ích đối với các mục đích chuyên biệt, nhưng các việc chia sẻ dữ liệu cần được xây dựng trên cơ sở cân nhắc quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, và cả tính khả thi, quy trình thực hiện quyền phản đối đối với các yêu cầu bất hợp lý, tôn trọng xung đột pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, việc các cơ quan địa phương cấp tính cũng có quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu có thể được xem là chưa hợp lý. Yêu cầu bắt buộc chia sẻ dữ liệu ở cấp độ quá rộng có thể ảnh hưởng đến việc nhà đầu tư nước ngoài cân nhắc tham gia vào thị trường Việt Nam và cả các công ty Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.	Chúng tôi đề xuất rằng phạm vi về “trường hợp đặc biệt” nên được xác định rõ ràng và giới hạn lại, đồng thời hạn chế danh sách các cơ quan có quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu. Chúng tôi đề xuất thêm các ngoại lệ cho dữ liệu không cần cung cấp theo quy định này.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i>		
11	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước ... 2. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong trường hợp đặc biệt khi được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau: a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp đặc biệt không thể ra yêu cầu bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định được quyết định yêu cầu dữ liệu bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận; b) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được giao cho cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu. 3. Khi yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu trong trường hợp đặc biệt, cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm: a) Chỉ rõ dữ liệu được yêu cầu; b) Giải thích mục đích sử dụng dữ liệu và thời hạn sử dụng;	+ Khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định: Khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu quy định “<i>Tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý trong các trường hợp sau đây: ...</i>”. Như vậy, Luật Dữ liệu quy định chủ thể có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp và nhận dữ liệu trong trường hợp này phải cùng là “<i>cơ quan (nhà nước) có thẩm quyền</i>”. Điều này thống nhất với các quy phạm pháp luật có liên quan đến yêu cầu cung cấp dữ liệu. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định lại mở rộng chủ thể được nhận dữ liệu là “<i>cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong trường hợp đặc biệt theo yêu cầu ...</i>”. Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện nay, chúng tôi hiểu rằng những “<i>cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội</i>” không phải là “<i>cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền</i>” có quyền yêu cầu nhận dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân mà không cần có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định cũng không làm rõ “<i>trong trường hợp đặc biệt</i>” là trường hợp nào, không làm rõ khi nào người có thẩm quyền quyết định yêu cầu dữ liệu “<i>bằng lời nói</i>”? Có phải những trường hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu? Làm thế nào để chứng minh yêu cầu cung cấp thông tin “<i>bằng lời nói</i>” là đủ cơ sở pháp lý nếu không ghi âm, ghi hình và không lập biên bản, ghi rõ lý do? Quy định tại Khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định sẽ gây khó khăn, nhầm lẫn cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc áp dụng các quy định pháp luật khác nhau cũng như	+ Đề xuất điều chỉnh theo đó chỉ có “<i>cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>” mới có quyền yêu cầu cung cấp và nhận dữ liệu trong những trường hợp tại Khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu. Như vậy mới tránh được những trường hợp lạm quyền, tránh tiết lộ dữ liệu của cá nhân, tổ chức. + Liên quan đến việc hình thức yêu cầu cung cấp dữ liệu bằng lời nói, chúng tôi xin đề xuất cần nhắc 1 trong 2 phương án như sau: ➤ Phương án 1: bỏ hình thức quyết định yêu cầu dữ liệu “<i>bằng lời nói</i>” vì rất dễ tạo điều kiện thuận lợi cho việc mạo danh cơ quan nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền lừa đảo, chiếm đoạt dữ liệu, các hành vi vi phạm pháp luật khác gây rủi ro cho các tổ chức và cá nhân nhận yêu cầu hoặc việc lạm quyền của người thi hành công vụ. Phương án này mang tính tối ưu cao. ➤ Phương án 2: Trong trường hợp cần thiết do tính cấp bách cần có dữ liệu vì mục tiêu an ninh quốc gia, an toàn xã hội thì việc yêu cầu “<i>bằng lời nói</i>” quy định rõ áp dụng trong trường hợp cụ thể nào, cấp có thẩm quyền yêu cầu, việc cung cấp dữ liệu phải lập văn bản và nêu rõ lý do vì sao không ban hành quyết định yêu cầu cung cấp dữ liệu bằng văn bản. Phương án này không có nhiều tính tối ưu như Phương án 1.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	c) <i>Nêu cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu dữ liệu;</i> d) <i>Chỉ định thời hạn cần cung cấp dữ liệu. Trước thời hạn đó chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu;</i> đ) <i>Thông báo cho chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu về các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu.</i> ... 5. <i>Thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu</i> <i>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i>	có thể tạo ra sự mâu thuẫn khi tham khảo, áp dụng Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Dữ liệu hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan. + Khoản 3 Điều 8 Dự thảo Nghị định: Tương tự như góp ý về Khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định, chúng tôi cho rằng không phù hợp để mở rộng phạm vi phép “<i>cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội</i>” có quyền yêu cầu các tổ chức là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân Việt Nam, người nước ngoài cung cấp dữ liệu của riêng họ ngoại trừ khi bên nhận yêu cầu là các cơ quan nhà nước, khác (ví dụ: <i>Mặt trận tổ quốc cấp tỉnh/thành phố không thể yêu cầu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại địa bàn tỉnh/thành phố cung cấp dữ liệu liên quan đến chiến lược kinh doanh của họ tại Việt Nam</i>). Chúng tôi tiếp tục đề xuất điều chỉnh chỉ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật” mới có quyền yêu cầu và nhận dữ liệu trong trường hợp tại Khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu. Ví dụ: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền yêu cầu các tổ chức tín dụng tại Việt Nam cung cấp các dữ liệu cụ thể theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Vai trò và thẩm quyền của các cơ quan không phải cơ quan quản lý Nhà nước, ví dụ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành riêng. Trong trường hợp mở rộng thẩm quyền của các cơ quan này về dữ liệu thì nên quy định rõ về loại dữ liệu do các cơ quan nhà nước thu thập liên quan đến các dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia hoặc bên nhận yêu cầu là cơ quan nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước khác. + Khoản 5 Điều 8 Dự thảo Nghị định: Việc liệt kê thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu bằng phương pháp liệt kê là chưa phù hợp, không thể liệt kê hết	+ Đề xuất bỏ quy định “trong trường hợp đặc biệt” mà ghi rõ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu. + Đề xuất điều chỉnh thành “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” yêu cầu cung cấp dữ liệu theo phạm vi, quyền hạn theo quy định pháp luật. Điều này sẽ thống nhất được các pháp luật có liên quan khác. Cụ thể đề xuất điều chỉnh Điều 8 như sau: “Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước ... 2. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong trường hợp đặc biệt cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý trong các trường hợp tại Khoản 2 Điều 8 Luật Dữ liệu khi được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau: a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp đặc biệt bắt buộc không thể ra yêu cầu bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định được quyết định yêu cầu dữ liệu bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận và nêu rõ lý do vì sao yêu cầu không được thể hiện bằng văn bản; b) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được giao cho cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu. 3. Khi yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu trong trường hợp đặc biệt tại Khoản 2 Điều 8 Luật Dữ liệu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm:

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		cơ quan nào là cơ quan có thẩm quyền mà cần phải dựa vào từng giao dịch, mối quan hệ, dữ liệu, chủ thể, v.v... để xác định pháp luật điều chỉnh, từ đó xác định chính xác cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu cung cấp dữ liệu.	a) Chỉ rõ dữ liệu được yêu cầu; b) Giải thích mục đích sử dụng dữ liệu và thời hạn sử dụng; c) Nêu cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu dữ liệu; d) Chỉ định thời hạn cần cung cấp dữ liệu. Trước thời hạn đó chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu; đ) Thông báo cho chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu về các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu. ... 5. Thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.”
12	Điều 8.3	Điều 8 của Dự thảo Nghị định là để quy định chi tiết Điều 18 của Luật Dữ liệu, nhưng dường như vượt quá phạm vi quy định trong luật. Điều 18 chỉ giới hạn yêu cầu cung cấp dữ liệu trong bốn trường hợp (ứng phó khẩn cấp, rủi ro an ninh quốc gia, thảm họa, và phòng/chống bạo loạn, khủng bố), nhưng Dự thảo Nghị định không làm rõ định nghĩa hoặc tiêu chí cụ thể cho các tình huống này. Điều 8.3 của Dự thảo Nghị định bổ sung một cơ sở mới, không được định nghĩa, cho phép cơ quan nhà nước yêu cầu dữ liệu trong "trường hợp đặc biệt", khiến nghị định mở rộng phạm vi ngoài Luật Dữ liệu.	Cụ thể hoá trong trường hợp nào cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu dữ liệu mà không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
13	Điều 8.4.c và 8.8	Quy định cũng cần yêu cầu rằng dữ liệu được yêu cầu phải liên quan trực tiếp, cần thiết và tương xứng với tình huống được quy định, đồng thời xem xét tính khả thi về kỹ thuật và thương mại của yêu cầu. Nếu không, các bên bị yêu cầu cung cấp dữ liệu sẽ phải gánh chi phí tuân thủ không hợp lý, bất kể khả năng tài chính hay công nghệ của họ, điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của ngành dịch vụ CNTT trong nước. Bất kỳ yêu cầu dữ liệu nào cũng phải đáp ứng nghiêm ngặt yêu cầu về tính liên quan, tính cần thiết và tính tương xứng. Dữ liệu được yêu cầu phải liên quan trực tiếp đến việc giải quyết tình huống cụ thể, có thể chứng minh là cần thiết cho mục đích đã nêu. Khung thời gian thu thập và sử dụng dữ liệu phải được giới hạn trong khoảng thời gian cần thiết để giải quyết tình huống và phạm vi dữ liệu không được vượt quá mức tối thiểu cần thiết để đạt được mục đích hợp pháp.	Sửa đổi Điều 8.4.c và 8.8 như sau: 8.4(c): <i>Tôn trọng mục đích hợp pháp, khả năng kỹ thuật và hạn chế nguồn lực hợp lý của chủ quản dữ liệu và chủ sở hữu dữ liệu, đồng thời bảo vệ bí mật kinh doanh và quyền riêng tư cá nhân. Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải xem xét đến hạ tầng kỹ thuật hiện có, khả năng tương thích hệ thống và các hạn chế vận hành thực tế của chủ quản dữ liệu và chủ sở hữu dữ liệu.</i> 8.8: <i>Trước thời hạn cung cấp dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, đại diện pháp lý hoặc người có thẩm quyền quản lý dữ liệu có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu nếu yêu cầu đó gây ra gánh nặng quá mức về kỹ thuật hoặc tài nguyên.</i>
14	Điều 8.5	Thẩm quyền yêu cầu dữ liệu được trao cho chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố, đây là cấp hành chính quá thấp để đưa ra quyết định có tác động lớn đến Việt Nam ở cấp độ vĩ mô.	Cần nhắc sửa đổi Thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu như sau: <i>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i>
15	Điều 9. Xác nhận, xác thực dữ liệu ... <i>2. Dữ liệu được xác thực bởi chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử. Dữ liệu được xác thực có giá trị tương đương với dữ liệu gốc được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu</i>	Không rõ chủ thể nào phải thực hiện quy trình xác thực dữ liệu – liệu việc này chỉ giới hạn đối với cơ quan nhà nước hay bao gồm cả khu vực tư nhân.	Chúng tôi đề xuất làm rõ yêu cầu về xác thực dữ liệu chỉ áp dụng với cơ quan nhà nước chứ không áp dụng đối với khu vực tư nhân.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác. ...		
16	Điều 9.1, 9.2 và 9.4	Các CQDL cung cấp các dịch vụ cụ thể như lưu trữ không có khả năng truy cập vào dữ liệu thô và thậm chí còn ít có khả năng biết mục đích của dữ liệu là gì. Do vậy, các nhà cung cấp dịch vụ này không thể chịu trách nhiệm về 'chất lượng' của dữ liệu. Các nhà cung cấp dịch vụ này cũng không thể 'xác thực' dữ liệu, thì Chủ sở hữu dữ liệu phải chịu trách nhiệm đảm bảo rằng dữ liệu mà họ sở hữu được xác thực vì Chủ sở hữu mới có quyền kiểm soát và hiểu rõ về dữ liệu của mình.	Định nghĩa các thuật ngữ liên quan đến xác thực dữ liệu, xác nhận dữ liệu phải thống nhất với các định nghĩa quốc tế để tránh nhầm lẫn và giảm rào cản cho sự tham gia của Việt Nam vào ngành công nghiệp số toàn cầu. Thay vào đó, chúng tôi khuyến nghị Bộ Công an nên tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế sau - Đối với Xác nhận dữ liệu, có thể cân nhắc sử dụng Mô hình chất lượng dữ liệu ISO/IEC 25012:2008 và NIST SP 800-53 Rev. 5) như sau: - Xác nhận dữ liệu là quá trình xác minh có hệ thống các đặc điểm chất lượng dữ liệu bao gồm: (a) Độ chính xác - Mức độ dữ liệu thể hiện đúng giá trị thực của thuộc tính mong muốn; (b) Tính đầy đủ - Mức độ dữ liệu chủ thể liên kết với một thực thể có tất cả các giá trị bắt buộc; (c) Tính nhất quán - Mức độ dữ liệu có các thuộc tính không mâu thuẫn và mạch lạc trên các hệ thống khác nhau; (d) Độ tin cậy - Mức độ dữ liệu được người dùng coi là chính xác và đáng tin cậy; và (e) Tính kịp thời - Mức độ dữ liệu cập nhật đủ cho nhiệm vụ đang thực hiện" - Đối với Xác thực dữ liệu, có thể cân nhắc sử dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2022 và NIST SP 800-63-3 Hướng dẫn nhận dạng số như sau:

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
			- o "Xác thực dữ liệu bao gồm: (a) Mức độ đảm bảo xác thực danh tính; và (b) Mức độ đảm bảo liên kết danh tính" - o Cụ thể, từng mức độ đảm bảo nêu trên như sau: - o Các cấp độ đảm bảo xác thực danh tính bao gồm: Cấp độ 1: Xác thực một yếu tố; Cấp độ 2: Xác thực đa yếu tố sử dụng hai yếu tố khác nhau; Cấp độ 3: Xác thực đa yếu tố sử dụng các kỹ thuật mật mã; và Cấp độ 4: Thiết bị xác thực mật mã dựa trên phần cứng. - o Mức độ đảm bảo liên kết danh tính bao gồm: Mức độ 1: Mã xác nhận được mã hóa; Mức độ 2: Mã xác nhận được ký số; và Mức độ 3: Mã xác nhận được ký số và thuộc tính được mã hóa.
17	Điều 9. Xác nhận, xác thực dữ liệu [...] 4. Chủ quản dữ liệu, tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử có trách nhiệm xây dựng quy trình xác nhận, xác thực dữ liệu trong phạm vi dữ liệu mình quản lý hoặc dịch vụ dữ liệu do mình cung cấp. [...]	Theo quy định tại Luật Dữ Liệu, dữ liệu được xác nhận có giá trị chứng minh sự tồn tại, thời gian, nơi lưu trữ của dữ liệu trên không gian mạng, và dữ liệu được xác thực có giá trị tương đương với dữ liệu gốc lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác.⁶ Các Điều 9.2 và 9.6 của Dự Thảo Nghị Định 1 quy định rằng, ngoài chủ quản dữ liệu và tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử, chủ sở hữu dữ liệu cũng có thể xác thực dữ liệu. Tuy nhiên, Điều 9.4 lại không quy định nghĩa vụ xây dựng quy trình xác nhận, xác thực dữ liệu của chủ sở hữu dữ liệu, cũng chưa có bất kỳ quy định nào về các nội dung chủ yếu bắt buộc phải có của các quy trình xác nhận, xác thực dữ liệu.	Từ những bất cập đã phân tích ở cột bên trái, chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi, bổ sung Điều 9.4 để (i) làm rõ nghĩa vụ ban hành quy trình xác thực của chủ sở hữu dữ liệu, (ii) nêu rõ các nội dung chủ yếu bắt buộc phải có của quy trình xác nhận, xác thực dữ liệu, và (iii) bổ sung quy định về nghĩa vụ của bên thực hiện xác nhận, xác thực dữ liệu trong việc cung cấp các quy trình này theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu được xác nhận, xác thực.

6

Luật Dữ Liệu, các Điều 20.1 và 20.2.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		Do tầm quan trọng và tính ứng dụng của dữ liệu được xác nhận, xác thực, Dự Thảo Nghị Định 1 cần có những quy định chặt chẽ liên quan đến việc xác nhận, xác thực dữ liệu, đảm bảo đạt được mục đích của việc xác nhận, xác thực dữ liệu theo quy định tại Luật Dữ Liệu.	
18	Điều 10. Công khai dữ liệu <i>1. Các dữ liệu không được phép công khai gồm:</i> <i>a) Dữ liệu cá nhân mà không được chủ thể dữ liệu đồng ý;</i> <i>b) Dữ liệu là bí mật nhà nước; dữ liệu tác động đến quốc phòng, an ninh;</i> <i>c) Dữ liệu nếu công khai sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, lợi ích quốc gia, quan hệ đối ngoại; đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</i> <i>[...]</i>	Theo quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân (“Nghị Định 13”)⁷ và dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân (“Dự Thảo Luật BVDLCN”)⁸, việc công khai dữ liệu cá nhân theo quy định của luật sẽ không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Tuy vậy, Điều 10.1(a) của Dự Thảo Nghị Định 1 lại quy định rằng dữ liệu cá nhân mà không được chủ thể dữ liệu đồng ý sẽ không được phép công khai (tức là dữ liệu cá nhân sẽ chỉ được công khai nếu chủ thể dữ liệu đồng ý). Quy định này mâu thuẫn với các quy định đã nêu về bảo vệ dữ liệu cá nhân. (Vui lòng xem thêm Mục 25 bên dưới về các phân tích và góp ý của chúng tôi đối với phạm vi điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các dữ liệu không phải là dữ liệu cá nhân.)	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bỏ Điều 10.1(a) ra khỏi Dự Thảo Nghị Định 1.
19		Các thuật ngữ như “dữ liệu tác động đến quốc phòng và/hoặc an ninh”, “đạo đức xã hội” còn quá rộng và mơ hồ.	Chúng tôi đề xuất làm rõ các thuật ngữ như “dữ liệu tác động đến quốc phòng và/hoặc an ninh”, “đạo đức xã hội”.
20	Điều 10.2 và 10.3	Theo quy định tại các Điều 3.4 và 13 của Luật Dữ Liệu, dữ liệu mở được xác định là dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, chia sẻ, khai thác và sử dụng và việc phân loại dữ liệu mở sẽ do cơ quan nhà nước, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu không phải cơ	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung cơ chế kiểm soát trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan nhà nước lạm dụng quy định về phân loại và công khai dữ liệu mở

⁷ Nghị Định 13, Điều 17.2.

⁸ Dự Thảo Luật BVDLCN, Điều 17.2.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		quan nhà nước thực hiện. Ngoài ra, Điều 10.3 của Dự Thảo Nghị Định 1 quy định rằng việc công khai dữ liệu mở được thực hiện ngay sau khi dữ liệu được phân loại là dữ liệu mở và được công khai thông qua các hệ thống, nên tăng khác của chủ sở hữu dữ liệu và chủ quản dữ liệu. Điều này có thể dẫn đến rủi ro rằng các chủ quản dữ liệu và chủ sở hữu dữ liệu sẽ lợi dụng và tùy tiện phân loại dữ liệu do mình quản lý, bao gồm cả dữ liệu của tổ chức, cá nhân khác nằm ngoài các dữ liệu không được phép công khai tại Điều 10.1 và dữ liệu công khai có điều kiện tại Điều 10.2 thành dữ liệu mở để tự do chia sẻ dữ liệu mở đó cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cho mục đích không chính đáng.	một cách tùy nghi, ví dụ như bổ sung loại dữ liệu được công khai có điều kiện.
21	Điều 11	Theo quy định tại các Điều 11.2 và 11.3 của Dự Thảo Nghị Định 1, Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong phạm vi quản lý, quyết định việc áp dụng các biện pháp để giải mã dữ liệu mà không cần chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu đồng ý. Quy định này khá chung chung và dường như mâu thuẫn với Điều 22.4 của Luật Dữ Liệu chỉ cho phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được quyền áp dụng các biện pháp để giải mã dữ liệu mà không cần chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu đồng ý trong bốn trường hợp, bao gồm (i) tình trạng khẩn cấp, (ii) khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp, (iii) thảm họa, và (iv) phòng, chống bạo loạn, khủng bố. Mặt khác, không có quy định rõ ràng về mục đích của việc giải mã, và mục đích sử dụng dữ liệu được giải mã. Do vậy, quy định này tiềm ẩn khả năng lạm quyền và có thể xâm phạm đến quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các dữ liệu quan trọng được các doanh nghiệp mã hóa trong quá trình hoạt động kinh doanh hợp pháp của mình.	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định chi tiết về những trường hợp mà cơ quan có thẩm quyền có thể giải mã dữ liệu mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu, phù hợp với quy định tại Luật Dữ Liệu, đồng thời bổ sung mục đích của việc giải mã, mục đích sử dụng dữ liệu được giải mã, và nghĩa vụ thông báo bởi cơ quan thực hiện giải mã cho chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
22	Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	Hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân hiện được điều chỉnh Nghị định Bảo vệ Dữ liệu cá nhân. Do định nghĩa rộng về dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng cũng như danh mục dữ liệu được quy định trong Dự thảo Quyết định, nhiều dữ liệu cốt lõi và quan trọng có thể được coi là dữ liệu cá nhân. Điều này có thể gây ra sự nhầm lẫn không cần thiết về luật áp dụng cũng như sự trùng lặp trong các yêu cầu quản lý và công việc tuân thủ. Ví dụ, các tổ chức xử lý dữ liệu cá nhân hiện phải nộp đánh giá tác động liên quan đến hoạt động chuyển dữ liệu ra nước ngoài và xử lý dữ liệu lên BCA theo Nghị định Bảo vệ Dữ liệu cá nhân hiện hành. Với dự thảo nghị định này, các tổ chức xử lý dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi dữ liệu cốt lõi hoặc dữ liệu quan trọng sẽ phải nộp thêm một đánh giá tương tự lên BCA. Yêu cầu bổ sung này tạo thêm gánh nặng và gây áp lực lên nguồn lực cũng như thời gian của các tổ chức.	Khi dữ liệu cá nhân được xử lý, các yêu cầu trong dự thảo nghị định cần phù hợp với các quy định của Nghị định Bảo vệ Dữ liệu cá nhân và/hoặc Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân sắp tới. Ví dụ, một bản đánh giá tác động duy nhất là đủ để đáp ứng yêu cầu của các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và Luật Dữ liệu. Ngoài ra, các yêu cầu trong đánh giá tác động cũng cần được điều chỉnh để phản ánh các quy định trong Nghị định Bảo vệ Dữ liệu cá nhân, nhằm tránh sự trùng lặp trong quá trình tuân thủ.
23	Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới <i>2. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu khi cần chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới cho từng bên nhận dữ liệu thì thực hiện tự đánh giá rủi ro theo yêu cầu tại khoản 3 Điều này, lập Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều này. Đối với dữ liệu cá nhân thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp dữ liệu cá nhân thuộc danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</i>	Điều 12 Khoản 2 đề cập đến chủ sở hữu dữ liệu và chủ quản dữ liệu khi chuyển dữ liệu ra nước ngoài, trong khi Khoản 3, 4, và câu cuối cùng của Khoản 2 sử dụng thuật ngữ bên chuyển dữ liệu. Cách sử dụng thuật ngữ không nhất quán khiến yêu cầu này không rõ ràng và chưa thực sự rõ ràng quy định này chỉ áp dụng với chủ sở hữu dữ liệu và chủ quản dữ liệu đóng vai trò là bên chuyển dữ liệu.	Để đảm bảo tính rõ ràng và nhất quán, chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 12 Khoản 2 như sau: “Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu khi cần chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới cho từng bên nhận dữ liệu thì, với vai trò là bên chuyển dữ liệu, thực hiện tự đánh giá rủi ro theo yêu cầu tại khoản 3 Điều này...”

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>Việc đánh giá tác động chuyển dữ liệu xuyên biên giới của tổ chức, cá nhân được thực hiện:</i> <i>Trong trường hợp chuyển dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi mà có ngưỡng số lượng, bên chuyển dữ liệu phải thực hiện đánh giá tác động khi đạt ngưỡng.</i>		
24	Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới <i>6. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu cốt lõi:</i> <i>a) Chủ quản dữ liệu lập và gửi Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đến Bộ Công an, trừ trường hợp thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu thì gửi đến Bộ Quốc phòng;</i> <i>b) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định.</i> <i>Trong quá trình đánh giá tác động, nếu phát hiện hồ sơ, tài liệu bên chuyển dữ liệu không đáp ứng các yêu cầu, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể yêu cầu bên chuyển dữ liệu bổ sung hoặc điều chỉnh. Trong trường</i>	Các yêu cầu về chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đối với dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng được quy định nghiêm ngặt và tạo ra gánh nặng tuân thủ đáng kể. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng số lượng lớn các báo cáo đánh giá và hồ sơ cần nộp lên BCA. Ngoài ra, nếu tổ chức cần chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, họ phải chờ sự phê duyệt từ BCA trước khi thực hiện. Điều này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế cũng như cách thức vận hành của doanh nghiệp. Đặc biệt, khi các giao dịch ngân hàng xuyên biên giới hiện đang được xác định là dữ liệu cốt lõi, quy định này chắc chắn sẽ gây ra sự chậm trễ nghiêm trọng đối với các giao dịch tài chính diễn ra hàng ngày tại Việt Nam. Hơn nữa, việc yêu cầu các tổ chức tài chính nộp báo cáo đánh giá tác động mỗi khi giao dịch ngân hàng xuyên biên giới đạt đến ngưỡng quy định là điều gần như không khả thi. Hiện cũng chưa rõ BCA sẽ xử lý khối lượng lớn các đánh giá tác động cần được xem xét và phê duyệt hàng ngày như thế nào để đảm bảo hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới của doanh nghiệp diễn ra suôn sẻ.	Chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 12 Khoản 6 Điểm c như sau: <i>“c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành đánh giá tác động trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Khi cần bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ, tài liệu, thời gian có thể được kéo dài nhưng không vượt quá 5 ngày.</i> <i>Bên chuyển dữ liệu phải được thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá. Sau khi nhận được kết quả đánh giá đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài.</i> <i>Sau 15 ngày kể từ ngày nộp báo cáo đánh giá tác động, nếu không có phản hồi từ đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an về việc đánh giá không đạt yêu cầu, chủ sở hữu dữ liệu có quyền quyết định chuyển dữ liệu quan trọng ra nước ngoài và xử lý dữ liệu ở nước ngoài.”</i> Chúng tôi đề xuất bỏ Khoản 9.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>hợp bên chuyển dữ liệu không bổ sung hoặc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể chấm dứt đánh giá tác động.</i> <i>c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành đánh giá tác động trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Khi cần bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ, tài liệu, thời gian có thể được kéo dài nhưng không vượt quá 5 ngày.</i> <i>Bên chuyển dữ liệu phải được thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá. Sau khi nhận được kết quả đánh giá đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài.</i> <i>9. Bên chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi xuyên biên giới định kỳ 6 tháng, bên chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng xuyên biên giới định kỳ hàng năm phải thực hiện tự đánh giá rủi ro đối với việc dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng của mình, gửi báo cáo đánh giá rủi ro cho Bộ Công an.</i>	Yêu cầu thông báo cho BCA khi hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới kết thúc vừa tạo thêm gánh nặng vừa không phổ biến trong thực tiễn quốc tế. Đây là một sự khác biệt lớn so với thông lệ quốc tế, trong khi chưa có lý do hợp lý. Điều này một lần nữa sẽ khiến BCA phải lưu trữ và xử lý thêm một lượng lớn hồ sơ.	
25	Điều 12.4	Điều 12.4 của Dự thảo Nghị định quy định rằng bên chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài phải thỏa thuận một số trách nhiệm tối thiểu trong hợp đồng ký kết với bên nhận ở nước ngoài. Tuy nhiên, các trách nhiệm này không phù hợp với mô hình cung cấp dịch vụ của tất cả tổ chức. Các trách nhiệm 'tối thiểu' này đã nhầm lẫn khi cho rằng bên nhận dữ liệu ở nước ngoài sẽ có khả năng hiển thị hoặc trực tiếp xử lý dữ liệu như một phần của dịch vụ.	Điều 12.4(a) - (d) nên yêu cầu các bên thỏa thuận về phân chia trách nhiệm thay vì giả định rằng bên nhận nước ngoài có thẩm quyền hoặc khả năng thực hiện các nghĩa vụ này.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		Cụ thể, Dự thảo Nghị định yêu cầu hợp đồng phải bao gồm các nội dung như: mục đích, phương pháp và phạm vi xuất dữ liệu, mục đích và phương pháp xử lý dữ liệu của bên nhận ở nước ngoài; Địa điểm và thời gian lưu trữ dữ liệu ở nước ngoài, cũng như các biện pháp xử lý dữ liệu được trích xuất sau khi hết hạn; và các biện pháp bảo mật mà bên nhận ở nước ngoài sẽ sử dụng khi có sự thay đổi lớn về quyền kiểm soát vật lý, thay đổi quy định hoặc trường hợp bất khả kháng.	
26	Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới ... 2. Chủ quản dữ liệu khi cần chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới thì thực hiện tự đánh giá rủi ro theo yêu cầu tại khoản 3 Điều này, lập Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều này. Đối với dữ liệu cá nhân thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp dữ liệu cá nhân thuộc danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. ... 5. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, gồm:	Thứ nhất, việc chuyển dữ liệu ra nước ngoài và xử lý dữ liệu quan trọng và dữ liệu cốt lõi yêu cầu (i) thực hiện tự đánh giá rủi ro và (ii) nộp hồ sơ đánh giá tác động đến Bộ Công an (BCA) và Bộ Quốc phòng (BQP) trước khi thực hiện. Cần nhắc đến việc dữ liệu quan trọng và dữ liệu cốt lõi bao gồm dữ liệu do chủ thể tư nhân nước ngoài nắm giữ mà không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, thì việc đánh giá rủi ro bắt buộc khi chuyển dữ liệu ra nước ngoài là quá nặng nề và cần phải được loại bỏ. Hơn nữa, trong phạm vi liên quan đến dữ liệu cá nhân, yêu cầu này tạo ra sự chông chéo với các điều khoản chuyển dữ liệu xuyên biên giới trong Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân. Thứ hai, việc yêu cầu sự đồng ý của chủ thể dữ liệu trong hồ sơ chuyển dữ liệu, bất kể đó là dữ liệu cá nhân hay phi cá nhân, là bất hợp lý và không phù hợp với thực tiễn. Cuối cùng, yêu cầu đánh giá định kỳ (6 tháng và hàng năm) không chỉ là gánh nặng đáng kể đối với Chính phủ mà còn tạo ra một gánh nặng mới đối với việc chuyển dữ liệu của các tổ chức. Phạm vi và quy trình đánh giá không rõ ràng và không rõ liệu Điều này có yêu cầu kiểm tra thực tế hay	Chúng tôi đề xuất xóa bỏ yêu cầu đánh giá tác động và yêu cầu về hồ sơ chuyển dữ liệu đối với dữ liệu không phải là dữ liệu mở hoặc dữ liệu không thuộc quyền quản lý của Nhà nước – thay vì áp dụng cho bất kỳ và tất cả các loại dữ liệu. Một giải pháp khác có thể cân nhắc là “loại trừ” dữ liệu quốc tế khỏi phạm vi dữ liệu Việt Nam. Nói cách khác, Chính phủ có thể có toàn quyền đối với dữ liệu Việt Nam, bất kỳ lúc nào, nhưng không phải đối với dữ liệu quốc tế.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	a) Thông tin và chi tiết liên lạc của Bên chuyển dữ liệu và Bên tiếp nhận dữ liệu; b) Họ tên, chi tiết liên lạc của tổ chức, cá nhân phụ trách của Bên chuyển dữ liệu có liên quan tới việc chuyển và tiếp nhận dữ liệu; c) Mô tả và luận giải mục tiêu của các hoạt động xử lý dữ liệu sau khi được chuyển ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài; d) Mô tả và làm rõ loại dữ liệu chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài; đ) Mô tả và nêu rõ sự tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu, chi tiết các biện pháp bảo vệ dữ liệu được áp dụng; e) Đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc xử lý dữ liệu; hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra, các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ, tác hại đó; g) Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo quy định trên cơ sở biết rõ cơ chế phản hồi, khiếu nại khi có sự cố hoặc yêu cầu phát sinh;	không. Do đó, điều này sẽ gây thêm gánh nặng về chi phí và nguồn lực cho tất cả các bên liên quan. Việc chuyển dữ liệu ra nước ngoài là cần thiết, đặc biệt là khi vận hành trung tâm dữ liệu, cho phép vận hành toàn cầu và đảm bảo truy cập dữ liệu từ nhiều địa điểm. Nhờ phân chia dữ liệu giữa nhiều trung tâm dữ liệu tại nhiều quốc gia khác nhau, các công ty có thể giảm độ trễ, cải thiện chất lượng, đảm bảo dự phòng và sao lưu dữ liệu. Với việc Singapore và Malaysia đang đối mặt với việc thiếu hụt năng lượng và đất đai, Việt Nam có cơ hội vàng để thu hút hàng tỷ đô la Mỹ trong nhiều lĩnh vực đầu tư (ví dụ như đầu tư vào trung tâm dữ liệu). Tuy nhiên, để dành được cơ hội này, Việt Nam cần phải giải quyết những mối quan tâm chính của các nhà cung cấp dịch vụ quy mô siêu lớn, đặc biệt là về pháp luật dữ liệu. So với Việt Nam, pháp luật dữ liệu của Trung Quốc đã tạo ra các cơ chế quan trọng để chuyển dữ liệu ra nước ngoài thông qua các quy tắc như Biện pháp Đánh giá An toàn Chuyển dữ liệu ra nước ngoài.⁹ Cơ chế này hướng đến việc làm rõ và cung cấp phương hướng cụ thể để các công ty chuyển và xử lý dữ liệu ở nước ngoài.¹⁰ Do đó, nếu pháp luật dữ liệu của Việt Nam không tạo điều kiện cho các nhà cung cấp quy mô lớn được vận hành tương tự như ở Malaysia hay Trung Quốc, hoặc không thể đưa ra những nhượng bộ nhất định, Việt Nam có thể sẽ bỏ lỡ các cơ hội đầu tư lớn trong mảng trung tâm dữ liệu.	

⁹ Trung tâm dữ liệu Trung Quốc: Tổng quan các ngành nghề và quy định

¹⁰ Chuyển dữ liệu xuyên biên giới: Các biện pháp mới đánh giá An ninh

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>h) Hợp đồng hoặc các văn bản có hiệu lực pháp lý khác được soạn thảo với bên nhận dữ liệu có thỏa thuận đầy đủ về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ an toàn dữ liệu, đảm bảo hoạt động xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu tuân thủ các tiêu chuẩn về an ninh, an toàn tương đương với các tiêu chuẩn được quy định về bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng tại Việt Nam.</i> <i>Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài chịu trách nhiệm pháp lý về tính xác thực của các hồ sơ đánh giá tác động.</i> <i>6. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu cốt lõi:</i> <i>a) Chủ quản dữ liệu lập và gửi Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đến Bộ Công an, trừ trường hợp thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu thì gửi đến Bộ Quốc phòng;</i> <i>b) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài trong</i>		

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định.</i> <i>Trong quá trình đánh giá tác động, nếu phát hiện hồ sơ, tài liệu bên chuyển dữ liệu không đáp ứng các yêu cầu, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể yêu cầu bên chuyển dữ liệu bổ sung hoặc điều chỉnh. Trong trường hợp bên chuyển dữ liệu không bổ sung hoặc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể chấm dứt đánh giá tác động.</i> <i>c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành đánh giá tác động trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Khi cần bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ, tài liệu, thời gian có thể được kéo dài nhưng không vượt quá 5 ngày.</i> <i>Bên chuyển dữ liệu phải được thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá. Sau khi nhận được kết quả đánh giá đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài.</i> <i>7. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu quan trọng:</i>		

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	a) Tối thiểu 5 ngày trước khi thực hiện chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài, chủ quản dữ liệu lập và gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới kèm thông báo về việc chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng xuyên biên giới đến các Bộ Quốc phòng nếu là dữ liệu thuộc lĩnh vực đến các Bộ Quốc phòng nếu là dữ liệu thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu; gửi đến Bộ Công an nếu là dữ liệu trong các lĩnh vực khác; b) Sau 5 ngày, nếu không nhận được phản hồi của đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về việc đánh giá không đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu quan trọng ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài; c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định; d) Trong quá trình đánh giá tác động, nếu phát hiện ra rằng hồ sơ, tài liệu bên chuyển dữ liệu không đáp ứng các yêu cầu, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng,		

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	Bộ Công an có thể yêu cầu bên chuyển dữ liệu bổ sung hoặc điều chỉnh. Trong trường hợp bên chuyển dữ liệu không bổ sung hoặc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể chấm dứt đánh giá tác động và yêu cầu Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài ngừng chuyển ra nước ngoài, ngừng xử lý ở nước ngoài dữ liệu quan trọng. ... 9. Bên chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi xuyên biên giới định kỳ 6 tháng, bên chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng xuyên biên giới định kỳ hàng năm phải thực hiện tự đánh giá rủi ro đối với việc dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng của mình, gửi báo cáo đánh giá rủi ro cho Bộ Công an. ...		
27	Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới [...] 7. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu quan trọng: a) Tối thiểu 5 ngày trước khi thực hiện chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài, chủ quản dữ liệu lập và gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển,	Khoản 7 Điều 12 Dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới trước khi tiến hành chuyển dữ liệu quan trọng ra nước ngoài. Tuy nhiên, hiện không rõ thời hạn tối đa Bộ Quốc phòng/Bộ Công an sẽ hoàn thành việc đánh giá tác động nếu trong thời hạn 5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ từ chủ quản dữ liệu, Bộ Quốc phòng/Bộ Công an yêu cầu chủ quản nộp hồ sơ bổ sung nhưng không thực hiện việc đánh giá theo quy định. Điều này có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng, khi chủ quản dữ liệu không dự tính được thời gian nhận được kết quả đánh giá hồ sơ từ Bộ	Đề xuất bổ sung thời hạn để đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng/Bộ Công an hoàn thành đánh giá tác động trước khi chủ quản dữ liệu thực hiện chuyển dữ liệu quan trọng: Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới 7. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu quan trọng: b) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành đánh giá tác động trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	xử lý dữ liệu xuyên biên giới kèm thông báo về việc chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng xuyên biên giới đến các Bộ Quốc phòng nếu là dữ liệu thuộc lĩnh vực đến các Bộ Quốc phòng nếu là dữ liệu thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu; gửi đến Bộ Công an nếu là dữ liệu trong các lĩnh vực khác; b) Sau 5 ngày, nếu không nhận được phản hồi của đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về việc đánh giá không đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu quan trọng ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài; c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định; d) Trong quá trình đánh giá tác động, nếu phát hiện ra rằng hồ sơ, tài liệu bên chuyển dữ liệu không đáp ứng các yêu cầu, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể yêu cầu bên chuyển dữ liệu bổ sung hoặc điều chỉnh. Trong trường hợp bên chuyển dữ liệu không bổ sung hoặc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng,	Quốc phòng/Bộ Công an, và theo đó, không dự tính được thời gian chuyển dữ liệu ra nước ngoài. Điều này có thể ảnh hưởng đến các doanh nghiệp có nhu cầu chuyển dữ liệu ra nước ngoài xử lý để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, để tuân thủ nghĩa vụ của pháp luật, hoặc tuân thủ nghĩa vụ theo hợp đồng.	được hồ sơ hoặc hồ sơ sửa đổi. Sau 5 ngày, nếu không nhận được phản hồi của đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về việc đánh giá không đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu quan trọng ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài;

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể chấm dứt đánh giá tác động và yêu cầu Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài ngừng chuyển ra nước ngoài, ngừng xử lý ở nước ngoài dữ liệu quan trọng. [...]		
28	Các Điều 12.2, 12.6 và 12.7 Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới ... 2. Chủ quản dữ liệu khi cần chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới thì thực hiện tự đánh giá rủi ro theo yêu cầu tại khoản 3 Điều này, lập Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều này. Đối với dữ liệu cá nhân thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp dữ liệu cá nhân thuộc danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. ... 6. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu cốt lõi:	Theo quy định của Dự Thảo Nghị Định 1, việc chuyển dữ liệu quan trọng và dữ liệu cốt lõi xuyên biên giới phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể (ví dụ: tiến hành tự đánh giá rủi ro hoặc đánh giá tác động do cơ quan có thẩm quyền thực hiện).¹¹ Việc chuyển xuyên biên giới dữ liệu cá nhân không phải là dữ liệu quan trọng hoặc dữ liệu cốt lõi phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.¹² Như đã phân tích tại các góp ý về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu cá nhân không nên được phân loại là dữ liệu quan trọng hoặc dữ liệu cốt lõi theo Luật Dữ Liệu do Việt Nam đã có Nghị Định 13 (sẽ được thay thế bằng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân trong tương lai), vốn được thiết kế chuyên biệt để điều chỉnh việc bảo vệ dữ liệu cá nhân với những quy định rất chặt chẽ.	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 12.2 của Dự Thảo Nghị Định 1 theo hướng loại trừ dữ liệu cá nhân khỏi phạm vi điều chỉnh của Dự Thảo Nghị 1 và đảm bảo rằng Luật Dữ Liệu chỉ quy định về dữ liệu phi cá nhân.
29	dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. ... 6. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu cốt lõi:	+ Khoản 2 Điều 12 Dự thảo Nghị định: Khi chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng có thể bao gồm cả dữ liệu cá nhân và phi cá nhân, rất khó tách bạch. Trong khi đó, Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng quy định về việc chuyển, xử lý dữ liệu cá nhân ra nước ngoài. Nếu như Dự thảo Nghị định vẫn giữ điều khoản này mà Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân sau này không loại trừ “dữ	+ Đối với dữ liệu cá nhân thì áp dụng quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và không quy định loại dữ liệu này tại Dự thảo Nghị định (bao gồm cả quy định phân loại dữ liệu cá nhân) hoặc bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn thi hành Luật Dữ Liệu. + Không quy định yêu cầu phê duyệt hay thông báo trước khi chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên

¹¹ Dự Thảo Nghị Định 1, các Điều 12.2, 12.6, và 12.7.

¹² Dự Thảo Nghị Định 1, Điều 12.2.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	a) Chủ quản dữ liệu lập và gửi Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đến Bộ Công an, trừ trường hợp thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu thì gửi đến Bộ Quốc phòng; b) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định. Trong quá trình đánh giá tác động, nếu phát hiện hồ sơ, tài liệu bên chuyển dữ liệu không đáp ứng các yêu cầu, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể yêu cầu bên chuyển dữ liệu bổ sung hoặc điều chỉnh. Trong trường hợp bên chuyển dữ liệu không bổ sung hoặc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể chấm dứt đánh giá tác động. c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành đánh giá tác động trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Khi cần bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ, tài liệu, thời gian có thể được kéo dài nhưng không vượt quá 5 ngày.	liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng” thì việc áp dụng pháp luật rất khó khăn, và có cách hiểu chúng tôi phải thực hiện Hồ sơ đánh giá tác động 02 lần. Điều này tạo ra sự trùng lặp các quy định pháp luật, gia tăng gánh nặng tuân thủ không cần thiết cho các tổ chức và cá nhân liên quan. + Khoản 6 và Khoản 7 Điều 12 Dự thảo Nghị định: Khoản 1 Điều 23 Luật Dữ liệu quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tự do chuyển dữ liệu từ nước ngoài về Việt Nam, xử lý dữ liệu của nước ngoài tại Việt Nam, được Nhà nước bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật”. Như vậy, cá nhân, tổ chức có quyền chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài, trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo vệ. Tuy nhiên, Khoản 6 và Khoản 7 Điều 12 Dự thảo Nghị định lại xây dựng theo hướng <u>phải được phê duyệt (đối với dữ liệu cốt lõi)</u> hay <u>phải thông báo trước (đối với dữ liệu quan trọng)</u> thì mới được chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài. Điều này sẽ tạo ra: ➢ gánh nặng hành chính, trì hoãn hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh thường xuyên và quá tải đối với nguồn nhân lực cho cả bên phải đi xin phê duyệt/thông báo trước và bên có trách nhiệm xem xét phê duyệt/nhận thông báo trước, tạo ra thêm cơ chế xin và cho chuyển, xử lý dữ liệu ra nước của cá nhân, tổ chức như được quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Dữ liệu; ➢ hạn chế khuyến khích thực hiện định hướng của Chính phủ (i) tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiến vào Kỷ nguyên mới đặc biệt khuyến khích phát triển công nghệ, kỹ thuật cao và (ii) trừ trường hợp pháp luật có quy định cấm, các hoạt động còn lại sẽ tạo ra hành lang pháp lý đơn giản và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và người dân phát triển tốt hơn.	giới đối với dữ liệu thuộc sở hữu riêng của tổ chức, cá nhân <u>trừ trường hợp</u> các tổ chức, cá nhân chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới từ các dữ liệu thu thập được từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các dữ liệu này được xác định, phân loại là dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng bởi cơ quan nhà nước như quy định tại dự thảo Nghị định này. + Quy định rõ việc đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài đối với dữ liệu cốt lõi, quan trọng và <u>được thực hiện 01 lần</u> cho suốt thời gian hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp, cập nhật khi thuộc một số trường hợp theo pháp luật quy định, và thực hiện trong thời gian 60 ngày kể từ ngày tiến hành chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài. + Quy định rõ mẫu “Hồ sơ đánh giá tác động”, “Thông báo về việc chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng xuyên biên giới”. + Quy định rõ cho phép gửi Hồ sơ đánh giá tác động và thông báo về việc chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng xuyên biên giới theo hình thức điện tử. Điều này phù hợp với việc thực hiện Chính phủ số, đảm bảo sự nhanh chóng trong khâu gửi/nhận/trả kết quả cũng như tránh bị rò rỉ dữ liệu trong quá trình vận chuyển bằng bưu chính.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>Bên chuyển dữ liệu phải được thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá. Sau khi nhận được kết quả đánh giá đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài.</i> <i>7. Trường hợp dữ liệu cần chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu quan trọng:</i> <i>a) Tối thiểu 5 ngày trước khi thực hiện chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài, chủ quản dữ liệu lập và gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới kèm thông báo về việc chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng xuyên biên giới đến các Bộ Quốc phòng nếu là dữ liệu thuộc lĩnh vực đến các Bộ Quốc phòng nếu là dữ liệu thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu; gửi đến Bộ Công an nếu là dữ liệu trong các lĩnh vực khác;</i> <i>b) Sau 5 ngày, nếu không nhận được phản hồi của đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về việc đánh giá không đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu quan trọng ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài;</i> <i>c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài trong</i>	➤ <u>hạn chế khả năng cạnh tranh</u> của các doanh nghiệp Việt Nam liên quan đến phát triển sáng tạo, nỗ lực giảm chi phí hoạt động, đồng thời ảnh hưởng đến tính cạnh tranh, thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển công nghệ cao, kỹ thuật số, GenAI <u>do cơ chế xin và cho.</u> Khoản 6 và Khoản 7 Điều 12 Dự thảo Nghị định cũng <u>chưa</u> quy định rõ số lần xin phê duyệt hay thông báo, dựa trên <u>01 lần chuyển, xử lý hay chỉ 01 lần trong suốt thời gian hoạt động</u> của cá nhân, tổ chức. Trong hoạt động kinh doanh, chúng tôi có nhu cầu chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài gần như thường xuyên, hàng ngày, đặc biệt trong trường hợp cá nhân, tổ chức sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm, ứng dụng văn phòng chạy trên nền tảng đám mây với máy chủ vật lý đặt tại nước ngoài thì việc chuyển dữ liệu ra nước ngoài sẽ diễn ra liên tục. Nếu cá nhân, tổ chức cần phải chờ phê duyệt, thông báo trước mới được phép xử lý dữ liệu trên các hệ thống, phần mềm, ứng dụng này thì hầu hết các hoạt động của cá nhân, tổ chức phải hoàn toàn dừng lại trong thời gian chờ đợi, điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động của cá nhân, tổ chức. Do vậy, nếu quy định theo hướng mỗi lần chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài phải đợi phê duyệt hay thông báo trước thì không phù hợp với thực tiễn. Theo chúng tôi được hiểu, việc xin phê duyệt, thông báo trước khi chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 12 Dự thảo Nghị định này cũng <u>chưa</u> thống nhất với cách tiếp cận tại Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân như sau: “ ... 2. Đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài được thực hiện 01 lần cho suốt thời gian hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và được cập nhật theo quy định tại Điều 49 Luật này.	

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định; d) Trong quá trình đánh giá tác động, nếu phát hiện ra rằng hồ sơ, tài liệu bên chuyển dữ liệu không đáp ứng các yêu cầu, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể yêu cầu bên chuyển dữ liệu bổ sung hoặc điều chỉnh. Trong trường hợp bên chuyển dữ liệu không bổ sung hoặc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng, đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thể chấm dứt đánh giá tác động và yêu cầu Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài ngừng chuyển ra nước ngoài, ngừng xử lý ở nước ngoài dữ liệu quan trọng.	3. Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài là tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động nêu tại Khoản 1 Điều này phải lập Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài. 4. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài phải luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân và gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân 01 bản chính trong thời gian 60 ngày kể từ ngày tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân.” Điều 48 Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân cho thấy nguyên tắc chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài chỉ cần thực hiện 01 lần trong suốt thời gian hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và thực hiện trong 60 ngày kể từ ngày tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân, tức chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài trước, thực hiện đánh giá tác động sau một thời hạn nhất định. Nguyên tắc này cho thấy sự tự do trong chuyển, xử lý dữ liệu ra nước ngoài, không gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ, cũng như phù hợp với nguyên tắc không cần phê duyệt trước được quy định tại Khoản 1 Điều 45 General Data Protection Regulation (GDPR): “<i>A transfer of personal data to a third country or an international organisation may take place where the Commission has decided that the third country, a territory or one or more specified sectors within that third country, or the international organisation in question ensures an adequate level of protection. Such a transfer shall not require any specific authorisation.</i>”	
30		CQDL cung cấp các dịch vụ cụ thể như mã hóa hoặc tính toán thường không có quyền truy cập vào dữ liệu thô, do đó không thể đánh giá liệu dữ liệu đang được xử lý có phải là dữ liệu quan trọng hoặc dữ liệu cốt lõi hay không. Vì vậy, họ không nên chịu trách nhiệm thực hiện tự đánh giá. Bên có toàn quyền kiểm soát và hiểu rõ về dữ liệu, cũng như ban hành hướng dẫn xử lý dữ liệu, mới là bên chịu trách nhiệm thực hiện tự đánh giá và báo cáo.	Trách nhiệm thực hiện tự đánh giá dữ liệu quan trọng và nộp hồ sơ phải thuộc về Chủ sở hữu dữ liệu, bên có toàn quyền hiển thị và chịu trách nhiệm về dữ liệu của riêng họ. Các nhà cung cấp dịch vụ xử lý/lưu trữ/truy xuất dữ liệu phải thực hiện mọi bước hợp lý để tạo

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		Ngoài ra, có thể có nhiều CQDL cùng xử lý một tập dữ liệu tại các giai đoạn khác nhau trong chuỗi xử lý, nên việc yêu cầu tất cả các CQDL báo cáo về dữ liệu có thể được chuyển ra nước ngoài là không cần thiết, gây trùng lặp và tạo sự nhầm lẫn. Trong khi đó, chỉ có một bên quyết định cuối cùng về việc chuyển dữ liệu ra nước ngoài – đó là Chủ sở hữu dữ liệu. Do đó, bên này phải chịu trách nhiệm thực hiện tự đánh giá và nộp báo cáo đánh giá tác động. Đối với các nhà cung cấp dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu nói riêng, các điều khoản được đề xuất trong Dự thảo Nghị định 1 cũng sẽ xung đột với pháp luật hiện hành theo Luật Viễn thông (Điều 29.1.c.) quy định rằng các nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu không chịu trách nhiệm về nội dung của người dùng dịch vụ khi 'xử lý, lưu trữ và truy xuất thông tin'.	điều kiện cho Chủ sở hữu dữ liệu tuân thủ luật pháp hiện hành.
31	Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới [...] 5. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, gồm: a) Thông tin và chi tiết liên lạc của Bên chuyển dữ liệu và Bên tiếp nhận dữ liệu; b) Họ tên, chi tiết liên lạc của tổ chức, cá nhân phụ trách của Bên chuyển dữ liệu có liên quan tới việc chuyển và tiếp nhận dữ liệu; c) Mô tả và luận giải mục tiêu của các hoạt động xử lý dữ liệu sau khi	Thành phần hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (“Hồ Sơ”) chưa được quy định cụ thể tại Điều 12.5. Chúng tôi hiểu rằng Hồ Sơ sẽ được quy định chi tiết sau tại các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Từ thực tiễn thi hành thủ tục đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài trong thời gian vừa qua, chúng tôi nhận thấy rằng nếu pháp luật chỉ đưa ra những hạng mục thông tin chung chung trong biểu mẫu đánh giá mà không có quy định hướng dẫn cụ thể, chi tiết về các hạng mục thông tin đó, cũng như thiếu quy định về các tài liệu bổ trợ trong hồ sơ, doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc hoàn thiện hồ sơ, và có tỉ lệ bị trả lại hồ sơ để sửa đổi bổ sung là rất cao. Mặt khác, các yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong biểu mẫu đánh giá cũng như tài liệu bổ trợ (bao gồm cả về hình thức tài liệu	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 12.5 của Dự Thảo Nghị Định 1 để làm rõ chi tiết thành phần và nội dung Hồ Sơ để doanh nghiệp có cơ sở tuân thủ.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>được chuyển ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài;</i> <i>d) Mô tả và làm rõ loại dữ liệu chuyển ra nước ngoài, xử lý ở nước ngoài;</i> <i>đ) Mô tả và nêu rõ sự tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu, chi tiết các biện pháp bảo vệ dữ liệu được áp dụng;</i> <i>e) Đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc xử lý dữ liệu; hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra, các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ, tác hại đó;</i> <i>g) Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo quy định trên cơ sở biết rõ cơ chế phản hồi, khiếu nại khi có sự cố hoặc yêu cầu phát sinh;</i> <i>h) Hợp đồng hoặc các văn bản có hiệu lực pháp lý khác được soạn thảo với bên nhận dữ liệu có thỏa thuận đầy đủ về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ an toàn dữ liệu, đảm bảo hoạt động xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu tuân thủ các tiêu chuẩn về an ninh, an toàn tương đương với các tiêu chuẩn được quy định về bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng tại Việt Nam.</i> <i>Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, xử lý dữ liệu ở nước ngoài chịu trách</i>	bổ trợ) cũng không được áp dụng thống nhất mà được cơ quan tiếp nhận thay đổi thường xuyên. Do vậy, trên cơ sở tham khảo thực tiễn thi hành thủ tục đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài, chúng tôi cho rằng cơ quan soạn thảo không nên chỉ quy định chung chung về Hồ Sơ tại Điều 12.5 này mà cần quy định một cách chi tiết nhất có thể để doanh nghiệp có cơ sở tuân thủ.	

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>nhiệm pháp lý về tính xác thực của các hồ sơ đánh giá tác động.</i> [...]		
32	Điều 13.1	Điều 3.13 Luật Dữ liệu định nghĩa CQDL là <i>cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu</i>. Định nghĩa này có thể được hiểu theo nghĩa rất rộng, bao trùm nhiều đối tượng – bất kỳ tổ chức nào cung cấp dịch vụ liên quan đến việc “xây dựng, quản lý, vận hành” hoặc khai thác dữ liệu đều có thể bị coi là CQDL. Cách tiếp cận quá rộng này có thể bao gồm bất kỳ nhà cung cấp nào tham gia xử lý dữ liệu theo hướng dẫn của Chủ sở hữu dữ liệu. Tuy nhiên, nhiều nhà cung cấp dịch vụ không có quyền kiểm soát rộng rãi đối với dữ liệu mà họ xử lý, vì điều này có thể không phù hợp với mô hình hoạt động của họ, đặc biệt là trong các trường hợp cung cấp dịch vụ theo mô hình one-to-many service (một nguồn dữ liệu cung cấp dịch vụ cho nhiều người dùng khác nhau). Mô hình này cũng phù hợp với các thực tiễn bảo mật tốt nhất, chỉ cho phép truy cập dữ liệu khi thực sự cần thiết. Cần lưu ý rằng một chủ sở hữu dữ liệu có thể có nhiều nhà cung cấp khác nhau, cung cấp các dịch vụ xử lý dữ liệu khác nhau cho cùng một tập dữ liệu. Mỗi nhà cung cấp này có quyền truy cập và quyền đối với dữ liệu rất khác nhau, nhưng do định nghĩa hiện tại quá rộng khiến nhiều nhà cung cấp dịch vụ có thể bị xem là 'Chủ quản dữ liệu'. Ví dụ: Một dịch vụ có sẵn cho phép chủ sở hữu dữ liệu sắp xếp dữ liệu của họ bằng cách đưa cho chủ sở hữu dữ liệu các công cụ để gắn thẻ dữ liệu hoặc phân loại dữ liệu của họ, nhà cung cấp dịch vụ không thể và không nên có khả năng thấy được dữ liệu thô vì điều đó không liên quan đến dịch vụ. Với định nghĩa quá rộng như hiện tại, các nhà cung cấp dịch vụ này sẽ bị coi là CQDL, nhưng họ sẽ không thể “quyết định các loại truy cập” (Điều 6.1)	

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		Đối với các nhà cung cấp dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu nói riêng, các điều khoản được đề xuất trong Dự thảo Nghị định cũng sẽ xung đột với pháp luật hiện hành theo Luật Viễn thông (Điều 29.1.c.) quy định rằng các nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu không chịu trách nhiệm về nội dung của người dùng dịch vụ khi 'xử lý, lưu trữ và truy xuất thông tin'.	
33	Điều 15. Xác định quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu ... 2. Quy định một số biện pháp phòng ngừa rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu bao gồm: a) Thực hiện sao lưu dữ liệu thường xuyên để bảo đảm rằng dữ liệu có thể được khôi phục trong trường hợp mất mát hoặc hỏng hóc. Sao lưu cần được lưu trữ ở một vị trí an toàn và tách biệt với hệ thống chính; b) Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống và hệ điều hành nhằm bảo đảm duy trì và cải thiện hiệu suất, tính năng, tính bảo mật và tính nhất quán của hệ thống cơ sở dữ liệu; khi nâng cấp cần có kế hoạch và bảo đảm tính liên tục của dịch vụ; phải có biện pháp ứng phó khôi phục lại hệ thống trong quá trình tiến hành; c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu để không bị truy cập trái phép;	Theo Điều 25.3 Luật Dữ liệu, chủ quản dữ liệu trong khu vực tư nhân sẽ tự đánh giá, xác định rủi ro và thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu. Nếu không có dẫn chiếu rõ ràng đến các đối tượng được yêu cầu thực hiện các biện pháp theo quy định, hiện tại vẫn chưa rõ liệu các chủ thể trong khu vực tư nhân có phải thực hiện tất cả các biện pháp theo quy định tại Điều 15.2 của Dự thảo Nghị định Dữ liệu hay không. Có thể hiểu rằng các biện pháp này chỉ nhằm khuyến khích chứ không bắt buộc đối với chủ quản dữ liệu trong khu vực tư nhân.	Chúng tôi đề xuất làm rõ rằng tất cả các biện pháp chỉ nhằm khuyến khích và không bắt buộc rằng chủ quản dữ liệu trong khu vực tư nhân phải thực hiện.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	d) Xây dựng, thiết lập các quy tắc chặt chẽ và hạn chế truy cập đối với từng loại dữ liệu, bảo đảm rằng chỉ những người dùng có nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu đó hoặc được sự đồng ý của cơ quan chủ quản dữ liệu mới có thể truy cập được vào những dữ liệu có thông tin nhạy cảm; đ) Sử dụng các hệ thống giám sát và phát hiện xâm nhập để theo dõi hoạt động mạng và phát hiện các hành vi bất thường hoặc truy cập trái phép; e) Cài đặt và duy trì các phần mềm bảo mật như tường lửa, phần mềm diệt virus, chống phần mềm độc hại để bảo vệ hệ thống khỏi các mối đe dọa; g) Thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ để xác định các điểm yếu trong hệ thống và áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tương ứng; h) Xây dựng phương án, kế hoạch xử lý sự cố dữ liệu để bảo đảm cơ quan, tổ chức có thể nhanh chóng ứng phó, khắc phục sự cố và hoạt động bình thường sau khi xảy ra các sự cố như tấn công mạng, mất dữ liệu hoặc hỏng hóc thiết bị; i) Đào tạo nhân viên về các biện pháp bảo mật dữ liệu, cách nhận biết các mối đe dọa, cách xử lý khi phát hiện rủi ro bảo mật; huấn luyện, diễn tập, phòng ngừa sự cố, giám sát phát		

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng khi có sự cố; k) Các biện pháp khác theo quy định pháp luật.		
34	Điều 16. Bảo vệ dữ liệu Điều 18. Quản lý bảo vệ dữ liệu trong quá trình xử lý	Điều 16 và 18 của Dự thảo Nghị định Dữ liệu có vẻ chồng chéo bởi vì cả hai đều cung cấp các nguyên tắc bảo vệ và phương thức mà chủ sở hữu dữ liệu và chủ quản dữ liệu phải thực hiện. Hơn nữa, yêu cầu về chuẩn bị báo cáo đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng theo Điều 18.11 có thể sẽ tạo ra nhiều gánh nặng cho các chủ thể hoạt động trong khu vực tư nhân khi xử lý dữ liệu quan trọng và dữ liệu cốt lõi. Bởi lẽ, họ vốn dĩ đã phải tuân theo các yêu cầu tự đánh giá rủi ro theo Điều 12.3 và 12.9 cho việc chuyển dữ liệu ra nước ngoài. Không rõ rằng báo cáo đánh giá rủi ro phải được nộp cho cơ quan có thẩm quyền nào để được rà soát / đánh giá.	Chúng tôi đề xuất xóa bỏ yêu cầu về chuẩn bị hồ sơ tự đánh giá rủi ro theo Điều 12. Nếu phải đặt ra yêu cầu về đánh giá rủi ro / đánh giá tác động, yêu cầu này nên được gói gọn trong một hồ sơ đánh giá với lượng tài liệu tối giản nhất.
35	Điều 17.2	CQDL cung cấp các dịch vụ cụ thể như lưu trữ không có khả năng truy cập vào dữ liệu thô và thậm chí còn ít có khả năng biết mục đích của dữ liệu là gì hoặc Chủ sở hữu dữ liệu đã thu thập dữ liệu từ ai. Các nhà cung cấp dịch vụ này không thể xác định dữ liệu đang được xử lý có phải là dữ liệu quan trọng hay dữ liệu cốt lõi hay không.	
36	Điều 18.1 và 18.2	CQDL cung cấp dịch vụ ở những giai đoạn khác nhau trong chuỗi xử lý dữ liệu và không nhất thiết phải "thu thập" dữ liệu cho Chủ sở hữu dữ liệu. Họ cũng có thể không tham gia vào toàn bộ vòng đời dữ liệu. Do đó, các nghĩa vụ được quy định tại đây có thể không phù hợp với một số CQDL, khiến họ không thể thực hiện các biện pháp này.	

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
37	Điều 18.3 -18.11	CQDL có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu theo hướng dẫn của Chủ sở hữu dữ liệu. Các quy định nên điều chỉnh thành thực hiện theo hướng dẫn của Chủ sở hữu dữ liệu.	
38	Điều 18. Quản lý bảo vệ dữ liệu trong quá trình xử lý [...] 6. Chủ quản dữ liệu phải phân tích, đánh giá tác động có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, lợi ích công cộng trước khi công bố dữ liệu, nếu có tác động lớn thì không được tiết lộ. [...]	Theo quy định tại Điều 18.6 của Dự Thảo Nghị Định 1, chủ quản dữ liệu phải phân tích, đánh giá tác động có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, lợi ích công cộng trước khi công bố dữ liệu, nếu có tác động lớn thì không được tiết lộ. Chúng tôi cho rằng quy định này là không rõ ràng, đặc biệt đối với tiêu chí “tác động lớn” khi không có quy định về những tiêu chí cụ thể để xác định tác động lớn. Ngoài ra, Dự Thảo Nghị Định 1 cũng không có định nghĩa cụ thể đối với “công bố dữ liệu” và “tiết lộ dữ liệu.” Việc thiếu quy định và quy định không rõ ràng như vậy có thể tạo ra nhiều khó khăn cho các chủ quản dữ liệu trong việc tuân thủ quy định pháp luật, cũng như làm gián đoạn trong hoạt động thường ngày của các chủ quản dữ liệu. Ngoài ra, dường như quy định tại Điều này chưa thực sự hài hòa và đồng bộ với quy định về cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước tại Điều 8 và công khai dữ liệu tại Điều 10. Cụ thể, liệu sau khi chủ quản dữ liệu phân tích, đánh giá tác động dữ liệu có “tác động lớn” và không được phép tiết lộ dữ liệu thì có còn phải tuân thủ nghĩa vụ cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hay không và trường hợp này có thuộc các trường hợp cấm công khai dữ liệu hay không.	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định chi tiết về “tác động lớn” tại Điều 18.6 của Dự Thảo Nghị Định 1, đồng thời bổ sung định nghĩa về “công bố dữ liệu” và “tiết lộ dữ liệu,” đồng thời rà soát đảm bảo tính đồng bộ của điều khoản này với việc cung cấp thông tin bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các trường hợp cấm công khai dữ liệu.
39	Điều 18.7(c) 7. Chủ quản dữ liệu phải thiết lập hệ thống xóa, hủy dữ liệu, làm rõ các yêu cầu như mục tiêu, quy tắc, quy trình, kỹ thuật xóa, hủy, ghi nhận và lưu giữ hoạt động xóa, hủy. Trường hợp cá nhân, tổ chức yêu cầu xóa, hủy theo quy định của pháp luật, thỏa thuận hợp đồng thì chủ quản dữ	Theo quy định tại Điều 18.7(c) của Dự Thảo Nghị Định 1, khi xóa, hủy dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu cần cung cấp các biện pháp kỹ thuật và công cụ xóa dữ liệu để xóa dữ liệu quan trọng và các bản sao của dữ liệu sau khi được phê duyệt, bao gồm dữ liệu dự phòng, dữ liệu phái sinh và dữ liệu nhật ký vận hành trong quá trình xử lý dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đã xóa không thể phục hồi được “bằng các phương tiện thương mại.” Không rõ các “phương tiện thương mại” được quy định ở khoản này bao gồm những phương tiện gì do không có quy định nào hướng	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định làm rõ “phương tiện thương mại” theo quy định tại Điều 18.7(c) của Dự Thảo Nghị Định 1.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	<i>liệu có trách nhiệm xóa, hủy dữ liệu tương ứng.</i> <i>Khi xóa, hủy dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu cần:</i> [...] <i>c) Cung cấp các biện pháp kỹ thuật và công cụ xóa dữ liệu để xóa dữ liệu quan trọng và các bản sao của dữ liệu sau khi được phê duyệt, bao gồm dữ liệu dự phòng, dữ liệu phái sinh và dữ liệu nhật ký vận hành trong quá trình xử lý dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đã xóa không thể phục hồi được bằng các phương tiện thương mại,</i> [...]	dẫn nội dung này tại Dự Thảo Nghị Định 1. Việc quy định chung chung và không rõ ràng có thể dẫn đến khó khăn trong việc tuân thủ của các chủ quản dữ liệu khi xóa, hủy dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng.	
40	Điều 18.8 [...] <i>8. Trường hợp chủ quản dữ liệu có nhu cầu chuyển dữ liệu vì các lý do như sáp nhập, tổ chức lại, phá sản thì phải làm rõ kế hoạch chuyển dữ liệu và thông báo cho người dùng bị ảnh hưởng thông qua các phương thức như điện thoại, tin nhắn văn bản, email, thông báo.</i> [...]	Theo quy định tại Điều 18.8 của Dự Thảo Nghị Định 1, chủ quản dữ liệu phải tuân thủ một số nghĩa vụ khi chuyển dữ liệu trong một số trường hợp như sáp nhập, tổ chức lại, giải thể, phá sản. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng khoản này có một số vấn đề chính sau đây: (i) Thiếu khái niệm “<i>chuyển dữ liệu</i>.” Liệu hoạt động này có phải là “<i>chuyển giao dữ liệu</i>” hay không? (ii) Các lý do cho việc chuyển dữ liệu được liệt kê thiếu tính đồng bộ và nhất quán. Cụ thể, hoạt động “<i>tổ chức lại</i>” đã bao gồm “<i>sáp nhập</i>” theo pháp luật doanh nghiệp,¹³ do vậy, đối với doanh nghiệp, không cần thiết phải liệt kê hoạt động sáp nhập bên cạnh tổ chức lại.	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, và bổ sung các nội dung như đã nêu tại cột bên trái.

13

Luật số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17 tháng 6 năm 2020 về doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung), Điều 4.31.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		(iii) Chưa liệt kê hoạt động giải thể như là một lý do cho việc chuyển dữ liệu. (iv) Nghĩa vụ làm rõ kế hoạch chuyển dữ liệu được xác định như thế nào? Liệu chủ quản dữ liệu có cần phải ban hành văn bản gì để chứng minh việc này không? (v) Chủ quản có nghĩa vụ thông báo về việc chuyển dữ liệu trong các trường hợp này cho người dùng tuy nhiên không rõ thời điểm thông báo. Ngoài ra, chủ quản dữ liệu có cần phải thông báo cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác như chủ thể dữ liệu hay không?	
41	Điều 18.11 [...] <i>11. Chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng hàng năm phải thực hiện đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng của mình. Báo cáo đánh giá rủi ro bao gồm:</i> <i>a) Thông tin cơ bản về chủ quản dữ liệu, thông tin về bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu, tên và thông tin liên lạc của người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu;</i> <i>b) Mục đích, loại, số lượng, phương pháp, phạm vi, thời gian lưu trữ, vị trí lưu trữ dữ liệu, hoạt động xử lý dữ liệu và hoàn cảnh thực hiện các hoạt động xử lý dữ liệu;</i>	Theo quy định tại Điều 25.4 của Luật Dữ Liệu, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải định kỳ tiến hành đánh giá rủi ro đối với các hoạt động xử lý dữ liệu đó theo quy định và thông báo tới đơn vị chuyên trách về an ninh mạng, an toàn thông tin thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu. Điều 25.5 cũng quy định giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 25.4. Theo quy định tại Điều 18.11 của Dự Thảo Nghị Định 1, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng hàng năm phải thực hiện đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng của mình. Tuy nhiên Điều 18.11 nói riêng và Dự Thảo Nghị Định 1 nói chung không có quy định chi tiết về thủ tục “thông báo tới đơn vị chuyên trách về an ninh mạng, an toàn thông tin thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu.” Do vậy, không rõ chủ quản dữ liệu sẽ tuân thủ với thủ tục thông báo này như thế nào. Mặt khác, việc thiếu quy định cụ thể có thể dẫn đến việc yêu cầu tùy tiện và không thống nhất từ phía cơ	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định chi tiết về thủ tục thông báo tới đơn vị chuyên trách về an ninh mạng, an toàn thông tin thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	c) Hệ thống quản lý an ninh dữ liệu và việc triển khai chúng, các biện pháp kỹ thuật như mã hóa, sao lưu, dán nhãn, kiểm soát truy cập và xác thực bảo vệ, cũng như các biện pháp cần thiết khác và hiệu quả của chúng; d) Rủi ro an toàn dữ liệu được phát hiện, sự cố an toàn dữ liệu đã xảy ra và cách giải quyết; đ) Đánh giá rủi ro đối với dữ liệu quan trọng được cung cấp, ủy thác xử lý; e) Các nội dung báo cáo khác theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.	quan có thẩm quyền, và tạo gánh nặng tuân thủ không cần thiết cho các chủ quản dữ liệu.	
42	Điều 20. Giám sát bảo mật dữ liệu, cảnh báo sớm và quản lý khẩn cấp 1. Bộ Công an thiết lập cơ chế giám sát rủi ro an toàn dữ liệu, tổ chức soạn thảo các giao diện, tiêu chuẩn giám sát và cảnh báo sớm an toàn dữ liệu, phối hợp xây dựng các phương tiện kỹ thuật giám sát và cảnh báo sớm an toàn dữ liệu, hình thành năng lực giám sát, cảnh báo sớm, xử lý, truy xuất nguồn gốc, tăng cường chia sẻ thông tin với các bộ phận liên quan. ...	Điều 20 cho phép BCA nhiều thẩm quyền để giám sát rủi ro và điều phối/chỉ đạo các kế hoạch ứng phó sự cố trong trường hợp xảy ra sự cố và vi phạm dữ liệu. Điều này có vẻ trùng lặp với LANM và Nghị định 53/2022/NĐ-CP.	Chúng tôi đề xuất xóa bỏ Điều này bởi vì đã được quy định trong LANM và Nghị định 53/2022/NĐ-CP.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
	2. Bộ Công an xây dựng cơ chế báo cáo, chia sẻ thông tin rủi ro an toàn dữ liệu, thống nhất thu thập, phân tích, đánh giá, báo cáo thông tin rủi ro an toàn dữ liệu, khuyến khích các cơ quan dịch vụ bảo mật, tổ chức nghiên cứu khoa học thực hiện báo cáo, chia sẻ thông tin rủi ro an toàn dữ liệu. ... 3. Bộ Công an xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp sự cố an toàn dữ liệu, bao gồm cơ cấu và trách nhiệm tổ chức khẩn cấp, phân loại và phân cấp các sự cố an toàn dữ liệu, giám sát và cảnh báo sớm, quy trình ứng phó khẩn cấp, các biện pháp bảo vệ, đồng thời tổ chức, phối hợp ứng phó với các sự cố dữ liệu quan trọng, an toàn dữ liệu cốt lõi. ...		
43	Điều 20.4	Tương tự nhận xét Điều 18.3 -18.11	Sửa đổi điều khoản này để giao trách nhiệm quản lý sự cố bảo mật cho Chủ sở hữu dữ liệu. CQDL có trách nhiệm cung cấp các biện pháp bảo mật trong phạm vi năng lực kỹ thuật của mình.
44	Điều 20.5	Theo quy định tại Điều 20.5 của Dự Thảo Nghị Định 1, chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cá nhân, tổ chức liên quan về các sự cố an toàn dữ liệu có thể gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và đưa ra các biện pháp giảm thiểu thiệt hại. Tuy nhiên, hiện nay không có bất kỳ định nghĩa hay hướng dẫn nào xác định thế nào là “sự cố an toàn dữ liệu” và “có thể gây	Chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo rà soát và bổ sung khái niệm “sự cố an toàn dữ liệu” và hạn chế nghĩa vụ báo cáo ở những sự cố có thể gây tổn hại đáng kể và định lượng mức đáng kể này để đảm bảo tính khả thi của chính sách quản lý này.

Stt	Điều, Khoản	Ý kiến	Kiến nghị
		tổn hại,” dẫn đến việc khó áp dụng trên thực tế khi xác định điều kiện phát sinh nghĩa vụ này. Ngoài ra, để đảm bảo tính khả thi của chính sách quản lý, chúng tôi cho rằng cần giới hạn nghĩa vụ thông báo ở các sự cố an toàn dữ liệu có thể gây tổn hại đáng kể chứ không phải bất kỳ sự cố nào.	
45	Điều 22	Điều 22 của Dự thảo Nghị định mô tả các thành phần CNTT của cơ sở hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia (TTDLQG) bao gồm 'cơ sở hạ tầng điện toán đám mây'. Tuy nhiên, không rõ liệu đây sẽ là một trung tâm dữ liệu vật lý do nhà nước xây dựng và vận hành hay có thể bao gồm dịch vụ điện toán đám mây từ các nhà cung cấp bên ngoài.	
46	Chương 3. Quản trị, quản lý, bảo vệ dữ liệu	Chương 3 quy định một danh sách rộng các biện pháp quản trị, bảo vệ và quản lý dữ liệu. Những yêu cầu này còn mang tính ràng buộc và tạo ra gánh nặng tuân thủ đáng kể. Các tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn lực và thời gian để thực hiện đầy đủ các yêu cầu này.	Chúng tôi khuyến nghị thay thế việc đưa ra các quy định cứng bằng các yêu cầu mang tính nguyên tắc. Cách tiếp cận này sẽ giúp các tổ chức linh hoạt trong việc xác định các chính sách, tiêu chuẩn và quy trình phù hợp để đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, thay vì phải tiêu tốn nguồn lực vào việc tuân thủ một danh sách dài các yêu cầu.

TỔNG HỢP Ý KIẾN
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU
[Đính kèm Công văn VPB18325]

Chuẩn bị bởi: NCT Ngân hàng VPB
Ngày 18/03/2025

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
1.	Điều 6.4.g	Điều 6. Truy cập, truy xuất dữ liệu [...] 4. Việc truy cập, truy xuất dữ liệu phải bảo đảm tuân thủ những nguyên tắc sau: [...] g) Dữ liệu truy xuất phải được sự đồng ý của chủ quản dữ liệu và được sử dụng đúng mục đích trừ trường hợp luật có quy định khác.	Đề xuất sửa như sau: g) Việc truy xuất dữ liệu phải được đồng ý bởi chủ quản dữ liệu và dữ liệu truy xuất phải được sử dụng đúng mục đích trừ trường hợp luật có quy định khác	Sự đồng ý được yêu cầu với hoạt động xử lý (là việc truy xuất dữ liệu).
2.	Điều 8.2.a	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước [...] 2. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong trường hợp đặc biệt khi được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau:	Đề xuất bỏ Khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị Định hướng dẫn Luật Dữ liệu để phù hợp với Điều 18 Luật Dữ liệu.	Khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu quy định 4 trường hợp mà tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý. Các trường hợp này không quy định tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu trong trường hợp đặc biệt.
3.		a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản. Trong trường hợp đặc	Đề xuất sửa Khoản 3 và 4 Điều 8 như sau và thành Khoản 2 và 3 Điều 8:	Đề xuất sửa để nêu rõ các yêu cầu đối với yêu cầu cung cấp dữ liệu. Khoản 2 quy định về hình thức của

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
		biệt không thể ra yêu cầu bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định yêu cầu dữ liệu bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận. [...]	2. Yêu cầu cung cấp dữ liệu của cơ quan nhà nước phải bằng văn bản, được thể hiện bằng ngôn ngữ rõ ràng, ngắn gọn và dễ hiểu, và do cá nhân có thẩm quyền nêu tại Khoản 5 Điều này ký. 3. Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải có các nội dung sau đây: a) Nêu rõ loại dữ liệu được yêu cầu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu; b) Giải thích lý do yêu cầu cung cấp dữ liệu, mục đích sử dụng dữ liệu, thời hạn sử dụng dữ liệu, nêu rõ mối liên quan giữa lý do và mục đích với dữ liệu được yêu cầu; c) Nêu cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu cung cấp dữ liệu; d) Nêu thời hạn cung cấp dữ liệu. đ) Hình thức cung cấp dữ liệu (bản sao, bản in, bản mềm và các hình thức khác theo quy định của pháp luật); e) Họ và tên, số thẻ căn cước, địa chỉ, số điện thoại của người đại diện nhận dữ liệu của cơ quan nhà nước; g) Thông báo cho chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu về các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu.	yêu cầu. Khoản 3 quy định về nội dung của yêu cầu.

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
4.			Đề xuất thêm điều khoản sau đây thành Khoản 4 Điều 8: 4. Yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được giao trực tiếp cho cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu.	Đề xuất Khoản 4 quy định về việc bàn giao yêu cầu cho tổ chức, cá nhân.
5.	Điều 8.3	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước [...] 3. Khi yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu trong trường hợp đặc biệt, cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm: a) Chỉ rõ dữ liệu được yêu cầu; b) Giải thích mục đích sử dụng dữ liệu và thời hạn sử dụng; c) Nêu cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu dữ liệu; d) Chỉ định thời hạn cần cung cấp dữ liệu. Trước thời hạn đó chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu; đ) Thông báo cho chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu về các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu.	3. Khi yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu trong trường hợp đặc biệt, cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm: a) Chỉ rõ dữ liệu được yêu cầu; b) Giải thích mục đích sử dụng dữ liệu, thời hạn sử dụng, biện pháp xử lý với dữ liệu được cung cấp sau thời hạn sử dụng hoặc sau thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật; c) Nêu cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu dữ liệu; d) Chỉ định thời hạn cần cung cấp dữ liệu. Trước thời hạn đó chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội sửa đổi hoặc rút lại yêu cầu; đ) Cam kết Tôn trọng các mục đích hợp pháp của chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân.	Cơ sở đề xuất: 1) xác định rõ thời gian lưu trữ và biện pháp xử lý dữ liệu sau khi hết thời hạn sử dụng và thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật 2) Bổ sung mục đ cho đúng với tinh thần nêu tại khoản 4.c

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
			e) Thông báo cho chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu về các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu.	
6.	Điều 8.6	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước [...] 6. Bàn giao, tiếp nhận dữ liệu được yêu cầu. a) Việc bàn giao, tiếp nhận dữ liệu được thực hiện theo đúng đối tượng, thời gian, loại dữ liệu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu, phương thức cung cấp dữ liệu được yêu cầu cung cấp; b) Thành phần tham gia bàn giao, tiếp nhận dữ liệu gồm có Chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu; Cá nhân, đại diện tổ chức được giao quản lý, sử dụng dữ liệu; c) Việc bàn giao, tiếp nhận dữ liệu phải được lập thành biên bản; d) Bên yêu cầu cung cấp dữ liệu có quyền yêu cầu bên cung cấp dữ liệu bổ sung dữ liệu trong trường hợp dữ liệu bàn giao không đúng với phạm vi dữ liệu được yêu cầu cung cấp.	Đề xuất sửa Điểm b) Khoản 6 như sau: b) Thành phần tham gia bàn giao, tiếp nhận dữ liệu gồm có tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu và cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp dữ liệu.	“Chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu; Cá nhân, đại diện tổ chức được giao quản lý, sử dụng dữ liệu” như quy định trong dự thảo chưa đủ rõ là việc bàn giao phải được thực hiện giữa bên giao và bên nhận dữ liệu. Do đó, đề xuất sửa đổi như vậy.

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
7.	Điều 8.7	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước [...] 7. Hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu bị hủy bỏ trong các trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu trái với quy định của Luật Dữ liệu và các luật khác có liên quan; yêu cầu cung cấp dữ liệu chưa được thực hiện nhưng điều kiện cung cấp dữ liệu quy định tại khoản 1, điều 18 Luật Dữ liệu không còn; yêu cầu cung cấp dữ liệu chưa được thực hiện nhưng vì lý do khách quan mà dữ liệu không còn tồn tại; b) Việc hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản.	1. Đề nghị sửa đổi như sau: Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp dữ liệu khi được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau: .	Theo Quy định của Điều 18.2 Luật Dữ Liệu, đưa ra các trường hợp cần cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. không có trường hợp “đặc biệt” (đây là nội dung trong văn bản dự thảo luật trước đây). Do vậy, đề xuất chỉnh sửa để đảm bảo tính cập nhật.
8.	Điều 8.8	Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước [...] 8. Trước thời hạn chỉ định cần cung cấp dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu.	Trước thời hạn chỉ định cần cung cấp dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu. Việc cung cấp dữ liệu sẽ tạm hoãn cho đến khi nhận được phản hồi của cơ quan có thẩm quyền đối với yêu cầu thay đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu này.	Kiến nghị bổ sung trường hợp trường hợp chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu đã gửi yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu, thì việc cung cấp dữ liệu có được phép tạm dừng lại đến khi có trả lời bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
9.	Điều 9.1.a	Điều 9. Xác nhận, xác thực dữ liệu 1. Xác nhận dữ liệu được thực hiện như sau: a) Chủ quản dữ liệu xác nhận dữ liệu được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác do mình chủ quản; [...]	Đề xuất sửa đổi như sau: Chủ quản dữ liệu lưu giữ các bằng chứng nhằm xác nhận dữ liệu được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác do mình chủ quản;	Viết lại cho rõ hơn về việc thực hiện yêu cầu này.
10.	Điều 12.4	Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới 4. Bên chuyển dữ liệu phải thỏa thuận rõ trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ an toàn dữ liệu trong các Hợp đồng hoặc các văn bản có hiệu lực pháp lý khác được <u>ký kết với bên nhận ở nước ngoài</u>, bao gồm tối thiểu các nội dung sau: a) Mục đích, phương pháp và phạm vi xuất dữ liệu, mục đích và phương pháp xử lý dữ liệu của bên nhận ở nước ngoài.; b) Địa điểm và thời gian lưu trữ dữ liệu ở nước ngoài, cũng như các biện pháp xử lý dữ liệu được trích xuất sau khi đạt đến thời gian lưu giữ, mục đích đã thỏa thuận được hoàn thành hoặc tài liệu pháp lý bị chấm dứt;	1. Làm rõ tiêu đề điều khoản: “Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng và cốt lõi xuyên biên giới”. 2. Áp dụng thống nhất chủ thể là “Bên chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới”.	1. Căn cứ theo Quy định Điều 23, việc chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới được thực hiện cho các dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi. Do vậy, kiến nghị sửa tiêu đề điều khoản này để đảm bảo làm rõ. 2. Tại Điều 12, các cụm từ “<i>Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài</i>”, “<i>Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài, chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài</i>”, “<i>Bên chuyển dữ liệu</i>”, “<i>chủ quản dữ liệu</i>” được sử dụng không đồng nhất. Đề xuất sửa toàn bộ Điều 12 đối với các cụm từ trên để dùng thống nhất cụm từ “<i>Bên chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới</i>”.
11.			1) Đề xuất sửa điểm b), c) như sau:	

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
		c) Yêu cầu ràng buộc đối với người nhận ở nước ngoài để chuyển lại dữ liệu đã xuất cho tổ chức hoặc cá nhân khác; d) Các biện pháp bảo mật mà bên nhận ở nước ngoài sẽ sử dụng khi có sự thay đổi đáng kể trong kiểm soát thực tế hoặc phạm vi hoạt động của mình hoặc khi có sự thay đổi trong các chính sách và quy định bảo vệ an ninh dữ liệu của quốc gia hoặc khu vực nơi họ đặt trụ sở hoặc khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng khác, gây khó khăn cho việc bảo đảm an ninh dữ liệu; đ) Biện pháp khắc phục hậu quả, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, biện pháp giải quyết tranh chấp đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo vệ an toàn dữ liệu đã thỏa thuận tại các văn bản quy phạm pháp luật; e) Khi có nguy cơ thay đổi, phá hủy, rò rỉ, mất mát, chuyển giao hoặc thu thập bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp dữ liệu đã xuất cần thực hiện đúng các yêu cầu ứng phó khẩn cấp và cách thức và phương tiện để bảo đảm rằng tổ chức, cá nhân là chủ thể dữ liệu được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. 5. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, gồm:	b) Địa điểm và thời gian lưu trữ dữ liệu ở nước ngoài, cũng như các biện pháp xử lý dữ liệu được trích xuất...; c) Yêu cầu ràng buộc đối với người nhận ở nước ngoài có nghĩa vụ xử lý dữ liệu được cung cấp theo chỉ dẫn của bên chuyển dữ liệu; có nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu tương tự như bên chuyển dữ liệu và tuân thủ luật áp dụng hiện hành; chỉ cung cấp, chuyển cho tổ chức hoặc cá nhân khác (với các ràng buộc tương tự áp dụng đối với bên đã nhận dữ liệu) khi có sự đồng ý của bên chuyển dữ liệu; 2) Đối với điểm d) Khoản 4: Đề nghị làm rõ thế nào là “thay đổi đáng kể”? 3) Đề xuất bổ sung điểm g) vào Khoản 4: g) trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ an toàn dữ liệu, đảm bảo hoạt động xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu tuân thủ các tiêu chuẩn về an ninh, an toàn tương đương với các tiêu chuẩn được quy định về bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng tại Việt Nam.	

STT	Điều khoản	Nội dung điều khoản	Đề xuất	Cơ sở đề xuất
		h) Hợp đồng hoặc các văn bản có hiệu lực pháp lý khác được soạn thảo với bên nhận dữ liệu có thỏa thuận đầy đủ về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ an toàn dữ liệu, đảm bảo hoạt động xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu tuân thủ các <u>tiêu chuẩn về an ninh, an toàn tương đương với các tiêu chuẩn được quy định về bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng tại Việt Nam.</u>		
12.	Điều 28	Điều 28. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.	Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại Điều 12, Điều 17 khoản 2, Điều 18, và Điều 19 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.	Cần quy định thời gian chuyển tiếp 01 năm cho các đối tượng chịu tác động thực hiện các công tác chuẩn bị sau: 1. Thiết lập bộ phân bảo vệ dữ liệu, tuyển nhân sự, đào tạo, lập kế hoạch 2. Tích hợp các yêu cầu vào quy trình 3. Nâng cấp hệ thống để đáp ứng các yêu cầu mới 4. Lập Hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới